



NGÔI NHÀ TRƯỚC CỦA TRƯỞNG BỬU (CHU VĂN AN) TRÊN
ĐỒ HỒ TÂY, NƠI NGUYỄN NHƯỘC PHÁP VÀ ANH EM CHÚNG
TÔI CHUNG SỐNG TỪ 1921 ĐẾN 1933



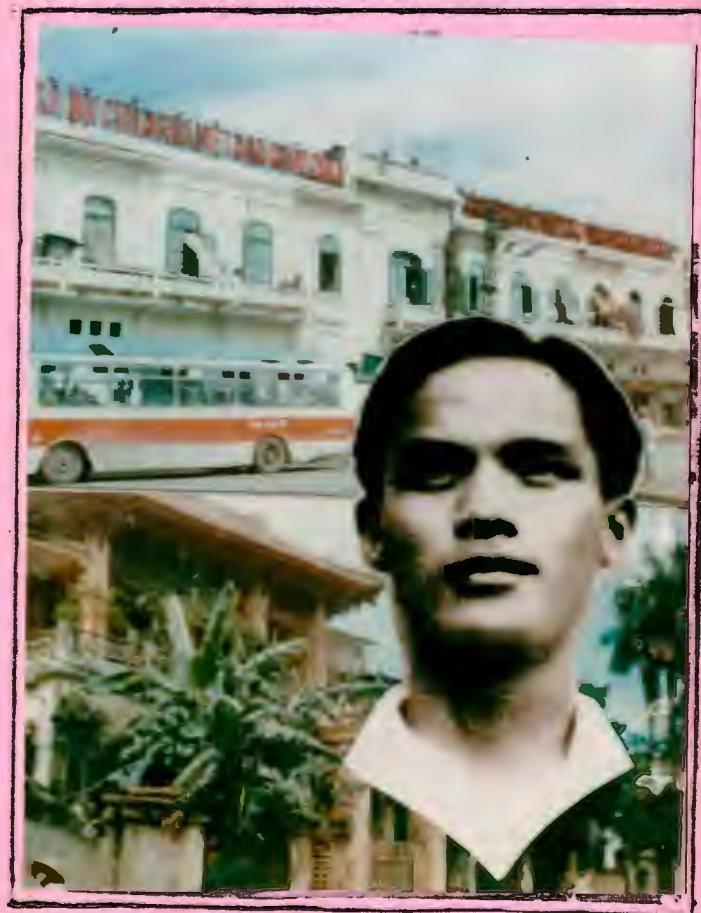
TÒA SOẠN BÁO "L'ANNAM NOUVEAU" NƠI NGUYỄN NHƯỘC PHÁP
LÀM VIỆC MỘT BUỔI TỪ 1931 ÷ 1936

60 NĂM

19 - 11 - 1933

19 - 11 - 1993

NGÀY GIỖ NGUYỄN NHƯỘC PHÁP



NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT VỀ
NGUYỄN NHƯỘC PHÁP.

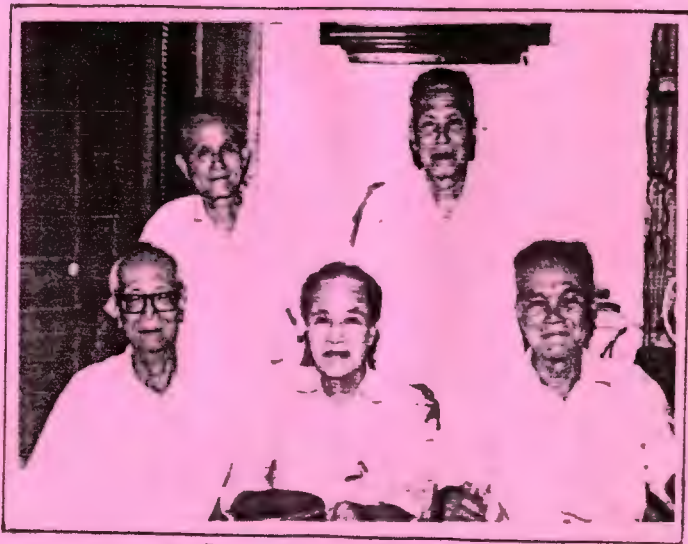
NG. QUANG NG. MINH NG. DUNG NG. HIEN
 NG. HO NG. THANG NG. TAN NG. HO NG. KY



PA -
 46-41

1931
 1932
 1933

11-1933 HOP MAT TOAN GIA DINH HAN NGAY
 GIO BAI NG. NHOC PHAP
 NG. LAN CHAI NG. LAN DINH
 NG. T. KHUEN NG. LAN GIAO



11-1994 - 5 NGUOI EM NGUYEN NHOC PHAP NHAN NGAY GIO PHAP
 BUI TUONG TRAC NGUYEN PHO NGUYEN DUC
 NGUYEN KY NGUYEN HO

Những điều
 Chưa biết
 về

HỮU NHUẬN

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP

MỤC LỤC

	TRANG
HỮU NHUẬN - Những điều chưa biết về Nguyễn Nhữc Pháp	3 ÷ 10
HOÀI THANH - Nguyễn Nhữc Pháp	11 ÷ 13
VŨ BĂNG - Nguyễn Nhữc Pháp, một nhân tài yếu mạnh	14 ÷ 22
BANG BÁ LÂN - Nguyễn Nhữc Pháp	23 ÷ 30
NGUYỄN VỸ - Phạm huy Thông và Nguyễn Nhữc Pháp	31 ÷ 36
NGUYỄN KIM CHƯỜNG - Đọc lại tập thơ "NGÀY XƯA"	37 ÷ 45
THỬ TRUNG - 19-11: Ngày giỗ Nguyễn Nhữc Pháp	46 ÷ 50
HOÀNG TIÊN - Nguyễn Nhữc Pháp và tác phẩm	51 ÷ 64

Những điều chưa biết về

HỮU NHUẬN

NGUYỄN NHỮC PHÁP

Khi Pháp mới được hai tuổi, do ghen tương, bà mẹ Pháp đã gửi con về Lạng Sơn rồi bắn súng lục vào đầu tử... Cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Nhữc Pháp cho đến nay vẫn còn nhiều điều chưa được nói rõ và còn nhiều khoảng trống; thậm chí trên một số sách báo - nhất là dưới chế độ cũ ở Sài Gòn trước đây - có lúc còn bị bóp méo, xuyên tạc. Tôi có điều kiện may mắn được gần gũi năm người em cùng cha (Nguyễn Văn Vĩnh, 1882- 1936) khác mẹ của nhà thơ. Họ đã kể cho tôi nghe nhiều kỷ niệm cảm động của những năm tháng mây anh chị em chung sống dưới mái nhà.

Nguyễn Nhược Pháp, người anh lớn nhất đám, khi dọn nhà về gần Hồ Tây tuy mới 9-10 tuổi, nhưng vừa thông minh, học giỏi lại có nhiều sáng kiến, nên đứng ra làm đầu tàu điều dắt cả bảy đứa chúng tôi học tập, rèn luyện và vui chơi, sống tự lập tự quản một cách có văn hóa trong suốt hơn 10 năm tuổi nhỏ.

Ban đầu, chính anh Pháp viết một tờ hợp đồng, cả bảy anh em cùng ký kết lập *Hội cấm nói nhảm, nói tục*, trong đó có cả một danh mục gồm trên 50 câu tục, nhảm, những câu chửi thề (ví dụ: *tiết, bố mẹ, bố xứ, bố bầm...*). Đứa nào nói những câu ấy đều bị phạt một cái cốc vào đầu, ai nghe thấy thì người ấy được cốc, người nào nói tục nói nhảm thì phải tự nguyện chịu phạt và hứa sửa chữa. Chắc nhờ vậy, từ nhỏ đến lớn, anh em chúng tôi không có ai nói tục, chửi bậy.

Nguyễn Nhược Pháp còn đứng ra tổ chức nhiều hội thể thao, tham quan du lịch... đây hấp dẫn, được các em hưởng ứng nhiệt tình.

Mùa hè vào sáng sớm, mùa thu vào buổi chiều, anh em chúng tôi từng nhóm kéo nhau đi bơi Hồ Tây. Có ba bốn nơi: trước đình làng Thụy Khuê và hồ Trúc Bạch ở gần nhà. Xa hơn một ít là Quảng Bá, Nghi Tâm. Cả mấy anh em đều bơi giỏi. Có hôm hai ba anh em rủ nhau bơi qua Hồ Tây. Pháp rất thích bơi và trò nhẩy cầu. Ngay cả những ngày bắt đầu ốm đau, anh cũng không bỏ đi bơi.

Ban đầu bốn anh em, về sau cả bảy anh em đều có xe đạp. Chủ nhật, Pháp tổ chức đua xe đạp quanh Hồ Tây 13km, có trao giải hân hoan. Môn này được nhiều người yêu thích. Các bạn cùng học có xe đạp cũng xin nhập hội.

Lên ở nhà Hồ Tây, ban đầu Pháp học ở trường Trí Tri phố Hàng Đào rồi trường Trưng Bắc học hiệu ở phố Lý Quốc Sư. Bạn học và cũng là bạn chơi thể thao thời kỳ này của Pháp là Bùi Huy Dắc.

Ngoài *Hội đi bơi*, Pháp còn lập *Hội trượt patin*. Bảy anh em đều tập đi trượt patin và trượt rất thành thạo, thao diễn được đủ các kiểu. Ban đầu tổ chức các cuộc đua cự ly ngắn một vài cây số trên đường Hoàng Hoa Thám - thời bấy giờ là con đường ngoại ô, rất thưa vắng người đi lại - sau tổ chức các cuộc đua dài, suốt một vòng hết đường Hoàng Hoa Thám, xuống dốc Quán Ngựa rồi theo đường Thụy Khuê về nhà.

Chủ nhật và những ngày nghỉ lễ, Pháp còn tổ chức các cuộc đi tham quan du lịch bằng xe đạp. Đầu tiên đi tham quan các làng chung quanh Hồ Tây, rồi vòng quanh Hà Nội và xa hơn nữa. Năm 1930, anh Nguyễn Dương vào đoàn hướng đạo Hùng Vương, giới thiệu cả mấy anh em trai vào đoàn Hùng Vương và bảy sói con Trùng Rộng. Từ đó, có các chuyến tham quan du lịch xa hơn. Những dịp nghỉ nhiều ngày hoặc kỳ nghỉ hè, chúng tôi theo đoàn đi cắm trại khắp các nơi danh lam thắng cảnh, tham gia các trại

họp ban ở Rừng Sặt, Thái Bình, Do Lê, Huế, Sài Gòn...; đi học các lớp đào tạo huynh trưởng hướng đạo và sói con ở Bạch Mã.

Năm 1922, ông Vĩnh đi Pháp về mua cho bảy đứa nhỏ rất nhiều đồ chơi khoa học, trong đó có máy chiếu phim "Pathé Baby" với nhiều bộ phim hài Saclo và Malách. Chúng tôi tổ chức thành *Tổ chiếu bóng Baby*, thu hút được cả nhà và các bạn cùng học đến xem rất đông.

Pháp còn hướng dẫn chúng tôi lập đội xiếc trẻ con, phân công cụ thể cho từng người tập các môn xiếc. Phổ và Kỳ làm xiếc xe đạp. Dương làm các trò ảo thuật. Mười uốn dẻo. Dục thổi kèn harmonica. Hồ luyện chó "á dẹt" làm trò. Tất cả mấy anh em cùng tham gia tiết mục chông người. Những buổi "làm xiếc" là những cuộc vui nổ trời. Có hôm, chị Vân thấy các em chơi vui quá, cũng cùng các em làm trò chông người.

Nhưng Pháp tâm đắc nhất và bỏ nhiều công sức nhất là vào *Đoàn kịch tí hon* và tờ báo *Tuổi cười*. Pháp viết những vở kịch vui ngắn, thường chỉ một màn về những chuyện xảy ra hàng ngày trong nhà như *Ký gàn*, *Phán Tư*, *Khởi nác*.. Nội dung các vở kịch thường ca ngợi và khuyến khích những cách sống có văn hóa, lành mạnh và phê phán lối sống xa hoa, lòe bịp. Pháp vừa là tác giả, vừa là đạo diễn, kiêm diễn viên, động viên các em tham gia đóng kịch. Nhà thờ vốn là xưởng máy cũ nên rất rộng. Chúng tôi kê

bốn bộ ghế ngựa ghép lại với nhau thành sân khấu, căng chân và lấy các câu đối vải treo trong nhà thờ làm phông, có màn kéo lên hạ xuống bằng ròng rọc hẳn hoi. Đèn điện được kéo thành hai hàng, bên trên và dưới màn có loa phản chiếu ánh sáng như sân khấu thật. Trước sân khấu có kê ghế và bán vé 5 xu cho mỗi chỗ ngồi xem. Những người lớn trong nhà đều khuyến khích và nhiệt tình mua vé vào xem kịch của chúng tôi. Có buổi ông Vĩnh ở nhà cũng tới xem kịch tí hon.

Pháp còn rủ cả bốn anh em lớn không đi xem phim ở rạp, để dành tiền làm vốn in báo *Tuổi cười*. Tờ báo do Pháp "sáng lập" và làm chủ nhiệm, Phổ làm chủ bút và Kỳ làm "quản lý nhà in". Báo được in bằng lối in thạch, hai màu đỏ và tím, mỗi tháng xuất bản một kỳ, 16 trang in trên giấy trắng không kẻ, gấp khổ 15x20cm. Trang đầu mỗi số đều có hai chữ *Tuổi cười* cỡ chữ to, màu đỏ và một bức tranh vui do Pháp vẽ. Nội dung của báo là thông tin tất cả các tin tức ở trong nhà, nêu gương những người học giỏi, làm việc tốt và phê phán những việc xấu. Trang thể thao rất hấp dẫn, nêu tên những người đạt kỷ lục mới, có cả quảng cáo cho các buổi biểu diễn xiếc và diễn kịch. Trang cuối cùng là một bài thơ của Pháp làm. Báo in mỗi số 10 tờ và bán 5 xu một tờ cho các anh chị và người lớn trong nhà. *Tuổi cười* được xuất bản đều kỳ như vậy trong suốt mấy năm liền.

Pháp là người đầu trò và tham gia

hầu hết các hoạt động thể thao văn nghệ cùng với các em, nhưng anh vẫn rất chăm học và thường nêu gương là người học giỏi của cả nhà. Năm 1928, Pháp thi đậu vào lớp 6 trường Albert Sarraut. Từ đây, anh có thêm nhiều bạn mới. Trong số đó có hai người bạn tâm đắc cùng lớp thường đến nhà chơi với anh: anh Phạm Huy Thông và anh Trần Đức Thảo. Một anh thì thường tranh luận về những vấn đề triết học, một anh thì trao đổi chuyện làm thơ, diễn kịch. Chính do bạn bè động viên khích lệ, Pháp đã gửi một số bài thơ, vở kịch ngắn và truyện ngắn sáng tác thời kỳ này và được các báo *Phong hóa*, *Tinh hoa...* in. Niềm vui lớn nhất của Pháp là mỗi lần được một tờ báo chấp nhận sáng tác của mình, lĩnh được nhuận bút (thường 2 hoặc 3 đồng cho một bài thơ hay truyện ngắn, kịch ngắn) liền rủ một vài đứa em hoặc bạn đi ăn phở sách "Nghị Xuân bang thất" ở phố Hàng Đàn, 5 xu một bát.

Nhưng những lúc vui vẻ vô tư như thế ở Pháp không nhiều. Có nhiều buổi, nhất là sau những lần anh nuôi Nguyễn Văn Thiện về thăm, được anh kể về những kỷ niệm với người mẹ đẻ, Pháp tỏ ra buồn u uất, trầm mặc, ít nói hẳn đi. Những lúc như thế, chúng tôi muốn lần la trò chuyện cho anh đỡ buồn thì anh thường kể chuyện thầy chúng tôi - ông Nguyễn Văn Vinh - và nhắc chúng tôi noi theo. Nhà nghèo, mới 8 tuổi, ông Vinh đã phải đi làm kiếm ăn, lúc đó chưa có trường học.

ông phải vừa làm vừa học, lại phải tự học lấy một mình mà đạt tới được trình độ học vấn cao. Anh thường nhắc chúng tôi: "Thầy đã từ hai bàn tay trắng và bộ óc thông minh mà làm nên tất cả, trở thành chủ nhà báo và chủ nhà in. Chúng ta cũng phải biết tự học lấy một mình và phải biết làm mọi việc để tự lập lấy thân mình". Anh đã nêu gương tự lập cho các em.

Năm 1930, ông Vinh gặp nhiều khó khăn, phải bỏ nhà in Trung Bắc tân văn và năm 1933 thì ông bị tịch thu hết tài sản. Mẹ chúng tôi, bà Đinh Thị Tĩnh, đã một mình chèo chống nuôi chúng tôi và giúp cho mấy anh chị em chúng tôi trưởng thành.

Từ 1930, Nguyễn Nhược Pháp vừa đi học vừa viết bài cho các báo. Từ năm 1933, hàng ngày một buổi đi học, một buổi đi làm cho báo *L'Annam nouveau* nhằm có thêm chút ít tiền tiêu, đỡ phần nào cho mẹ già. Mặc dù vừa đi học vừa đi làm, năm 1934, Pháp vẫn đỗ tú tài phần I và năm 1935, đỗ tú tài phần II để ngay năm đó anh vào Đại học Luật Hà Nội.

Được bạn bè và anh em khuyến khích, năm 1935, Nguyễn Nhược Pháp tập hợp những bài thơ in trên báo *Tuổi cười* và những bài mới làm thành hai tập: tập *Ngày xưa* và tập *Ngày xanh*. Anh Giang vừa đi học ở Pháp về, vẽ minh họa cho tập *Ngày xưa* và tập này đã ra mắt bạn đọc năm đó, do anh Nguyễn Dương xuất bản. Tập thơ chỉ gồm 10 bài viết trong vòng vài ba năm, từ 1933-1934, trong đó có những bài được nhiều thế hệ yêu thích:

Chùa Hương, Sơn Tinh Thủy Tinh
(1933), *Di công* (1933)...

Anh Pháp có một khả năng quan sát tinh tế và óc tưởng tượng rất phong phú. Mỗi chuyến đi tham quan, đứng trước một di tích văn hóa hay danh lam thắng cảnh, anh đưa hồn mình trở về với quá khứ xa xăm và vẽ lên trong đầu những cảnh huống của cuộc đời xưa cũ. Một lần cùng với vài bạn thân đi chùa Hương, anh gặp hai mẹ con bà cụ đi chùa, vừa đi vừa khấn "Nam mô a di đà Phật". Gặp người lạ, cô thôn nữ im bất và tỏ ra bẽn lẽn thẹn thùng. Chỉ thế thôi, nhưng sau đó về nhà, Pháp đã viết nên bài *Chùa Hương* nổi tiếng, ghi lại hình dáng và cả tâm trạng của một cô bé thuở xưa với yếm đào quần lĩnh, với dép cong và nón quai thao... Tiếc là sau khi in tập *Ngày xưa - hàng số tiền dành dụm của mình* và một phần của mẹ cả cho - tập *Ngày xanh* không có đủ điều kiện về tài chính để in và cuối cùng anh Dương làm mất bản thảo.

Tính tình anh Nguyễn Nhược Pháp thường trầm tĩnh, ít nói, ít giao tiếp, trừ với anh em trong gia đình và một số ít bạn bè thân thiết. Anh ưa sống bằng nội tâm, ít bộc bạch; thậm chí có khi rụt rè, dè dặt với cả người thân trong gia đình. Anh in tập *Ngày xưa* nhưng thầy chúng tôi hầu như không biết. Mãi đến khi cụ Cử Mai Đăng Đệ viết bài in trên báo *Trung Bắc tân văn* khen cái "thủ cảm cao siêu, thi vị thanh thoát, thi tứ kỳ đạt, đó là đặc sắc của tập thơ này..." thì tôi mới đọc tập thơ và nói vui với mọi người ở tòa báo: "Thế là tôi có con làm thi sĩ à?".

HOÀI THANH

Nguyễn Nhược Pháp

Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không mến sao được? Vời đôi ba nét, đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay mơ màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những màu sắc tươi khi, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cố hữu và đã biết cười, cái cười của những « thất lưng dài dò hoe », những đôi « dép cong » nho nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng đầu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì. Mặc cho những nhà khảo cổ cặm cụi tìm nguyên do câu chuyện hai vị thần đánh nhau một nàng công chúa, thi nhân cứ cho là có thực và người thấy khi Thủy Tinh đã bắt quyết gọi mưa để khoe tài, thì Sơn Tinh chẳng chịu thua, liền :

*Vung tay niệm chú. Núi từng dài,
Nhà lớn, đồi non lồm cồm bò
Chạy mưa.*

Sáng hôm sau, Thủy tinh cười rông vàng đến xin cưới,

*Theo sau cua dõ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
Khấp khiêng bò lê trên đất lạ ;
Trước thành tập tễnh đi hàng hai.*

Nhưng chậm mắt rồi. Sơn tinh đã đến trước. Tức quá, Thủy tinh liền ra lệnh cho bọn đồ đệ dương oai :

*Cá voi quác mồm to muốn đớp ;
Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng ;
Càng cua lờm chồm, giò như mác.
Tôm kèn chạy quắp đuôi xôn xao.*

Ai xem những cảnh ấy mà không buồn cười. Thi nhân cũng chỉ muốn thế : kiếm chuyện cười chơi.

Cũng có khi người cười những nhân vật chính người đã tạo ra, như cái cô bé đi chùa Hương trong thiên Ký Sự chép những câu thật thà :

*Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Số gian nan không giàu.*

Có khi chẳng còn biết người muốn cười ai. Sau khi tả cái đẹp của Mỹ Nương, người thêm một câu :

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ,

Người vợ ngọc ngần đề kiếm có điệu mình chơi, hay người muốn điệu những kẻ đứng trước gái đẹp bỗng thấy hồn thơ lai láng !

Lại có khi không điệu mình không điệu người, thi nhân cũng cười : cười vì một cảnh ngộ. Như khi Sơn tinh và Thủy tinh cùng đến hỏi Mỹ nương, Hùng Vương sung sướng nhìn con.

*Nhưng có một nàng mà hai rề,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !*

Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười. Nhưng cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn kiêu chiu của các ông Tú, từ Tú Suất, Tú Xương, đến Tú Mỡ. Nó hiền

lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn có điều này nữa mới thật quý : với Nguyễn Nhược Pháp nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng. Những cảnh, những người đã khiến thi nhân cười, cũng là những cảnh, những người thi nhân mến. Người mến cô bé đi chùa Hương và cùng cô bé san sẻ mọi nỗi ước mơ, sung sướng, buồn rầu. Người mến nàng Mỹ nương. Lúc Mỹ nương từ biệt cha đi theo chồng, người thấy :

*Lầu son nàng ngoài trông lẫn lửa.
Mĩ xanh lệ ngọc mờ hơi sương.*

Rồi :

*Nhìn quanh khói tỏa buồn man mát,
Nàng kêu : “Phụ vương ơi ! Phụng châu !”*

Một điều lạ là những câu tình từ như thế ghép vào bên cạnh những câu đến buồn cười mà không chút bối ngỡ. Cái duyên của Nguyễn Nhược Pháp là ở đó.

Chắc Nguyễn Nhược Pháp không chịu ảnh hưởng A. France, nhưng xem Ngày xưa tôi cứ nhớ đến cái duyên của tác giả Le livre de mon Ami. Phải chăng Nguyễn Nhược Pháp cũng hay điệu đời và thương người như A. France? không. nói điệu đời e không đúng. Nguyễn Nhược Pháp còn hiền lành hơn. Nguyễn Nhược Pháp chỉ muốn tìm những cảnh, những tình có thể mua vui. Dầu sao tôi thấy Nguyễn Nhược Pháp già lắm. Khác hẳn người bạn chí thân của người là Huy Thông. Người nhìn đời như một ông già nhìn đàn trẻ con rất ngộ nghĩnh mà cũng rất dễ yêu, mặt đầu người vẫn còn trẻ lắm. Người mất năm hai mươi bốn tuổi, lòng trong trắng như hời còn thơ.

HOÀI THANH — HOÀI CHÂN
(Trích Thi nhân Việt Nam — 1943)

VŨ BẰNG

Nguyễn Nhược Pháp, một nhân tài yêu mệnh

Có những đêm không ngủ, nằm vặn cái móng « tếp » hay quay cái nút ra đi ô, ti vi nghe chớ dần xem có gì lạ không mà bất chợt thấy có một ca sĩ ngâm lên bài thơ ngũ ngôn « Chùa Hương » của Nguyễn Nhược Pháp, tôi buồn không chịu nổi.

Không phải là vì thơ của Pháp buồn mà mình thấy se sắt cõi lòng; không phải buồn vì người ta cấm nói về cái nhà thơ văn tiền chiến mà cứ ngâm oang oang thơ tiền chiến cũng không phải vì do bài thơ đó mà mình nhớ lại ngày nào thiên hạ thái bình, cứ vào tháng giêng tháng hai mình lại đi chầy hội chùa Hương mà bây giờ có lẽ đến chết cũng không còn bao giờ được đặt chân những bậc đá chạm trời của cái giã núi thơm tho đó nữa.

Không phải cả! Tôi buồn là vì cái mỗi khi nghe thấy ngâm lên bài thơ đó, tôi lại nhớ đến người bạn đã qua đời người bạn ngày thơ, cả một hải nhi vô tội.

Người bạn đó, Nguyễn Nhược Pháp hiện ra như một tia sáng chói lọi ló ra thì đã tắt đi. Chết trẻ đã khổ rồi mà chết giữa lúc đời đang xanh hy vọng không còn gì thắm hơn hai mươi bốn tuổi... Chết như thế quả là sớm quá!

BUỔI ĐẦU GẶP GỠ

Thật ra, Nguyễn Nhược Pháp và tôi cùng học với nhau một trường, nhưng trong khi đi học tôi không biết Pháp, tôi biết chỉ là chị Nội vì chúng tôi cùng học một lớp B, còn Pháp thì

học lớp khác, loại A, tức là thêm tiếng La tinh và Hi Lạp. Ít hôm sau, tôi thôi học, theo đuổi cái nghề báo chí, còn Pháp thì tiếp tục học luật. Vì làm tờ Trung Bắc Tân Văn của cụ Nguyễn Văn Vĩnh là thân phụ của các anh Nguyễn Hải, Nguyễn Giang, Nguyễn Dương Nguyễn Phò, Nguyễn Kỳ, Nguyễn Dực, Nguyễn Hồ... và hai chị Nội vào Văn, thỉnh thoảng tôi có đến nhà cụ Vĩnh, nhưng không bao giờ gặp Pháp, mặc dầu tôi vẫn biết Pháp là một người con mà cụ Vinh thương sót nhiều hơn.

Không phải là cụ thương con này ít, thương con kia nhiều. Không phải thế. Nhưng lòng thương sót ấy hình như bắt nguồn từ một lý do khác mà mãi tới sau này tôi mới biết.

Trong khi ấy Nguyễn Nhược Pháp không mấy khi đến nhà báo (lúc ấy thiết lập ở đầu hàng Bông, tại góc phố trông ra đền Kim Cồ về sau này là trụ lầu Asia). Không hiểu vì có công việc gì nói với ông cụ hay là đi qua đây tạt vào chơi, Nguyễn Nhược Pháp, sợ sệt bước vào tòa soạn, chào các cụ Dương Phụng Dực, Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Tuyết Huy Dương bá Trạch Mai Đăng Đệ, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn đồ Mục... theo lối Đông, phương nghĩa là chấp tay lại xá. Chỉ có tôi là tên lính trẻ nhất trong bọn Nguyễn Nhược Pháp lại gần rụt rè bắt tay tôi. Cảm giác đầu tiên của tôi đối với anh là anh là thứ con nhà gia giáo, lễ phép dễ thương hết sức, mà tôi chắc ai thấy Pháp cũng phải yêu thương như thế.

Anh nhỏ bé, môi mỏng, mắt hơi xếc « như quả hạnh nhân » cứ chỉ chậm rãi, nói năng nhỏ nhẹ, và bất cứ nói với ai cũng cúi đầu như sợ sệt và kính trọng một cách chân thành chứ không phải là cái thứ sợ hãi giả dối như một số thiếu niên khác lúc bấy giờ cũng như bây giờ. Anh mặc một bộ áo dạ tím, theo đúng học trò trường Lit-Xê cô bé « đặng tọng » trông toàn thân thì không gầy quá, nhưng

không mập, tuy nhiên nếu nhận kỹ hơn về đôi môi và làn da thì anh có vẻ không khỏe mạnh và vì cò nhỏ, môi hơi tím mà da thì trắng xanh mai mai.

Đầu sao cái bề ngoài đó không đủ làm cho báo chí ai dám nghĩ rằng anh là một người mang bệnh họa trong thơ thật hay

buồng phổi vì lúc đó thiếu nữ và thanh niên ít có người khoẻ mạnh phần nhiều đều ốm và da cũng xanh như thế.

Câu chuyện đầu tiên là chuyện xã giao: anh hỏi tôi về việc viết lách cho báo ra sao, còn tôi thì... đứng si ra đó không biết hỏi anh gì cả, ngoài mấy câu hỏi thăm sức khoẻ và việc học luật có mệt quá không.

Thế rồi băng đi vài tháng... Một hôm Pháp lại đến báo «Trung Bắc Tân Văn» nhưng lần này anh đến vì công việc. Công việc đó làm cho anh bẽn lẽn và đỏ cả mặt lên: anh biểu tất cả tòa soạn mỗi người một tập thơ «Ngày Xưa», biểu mà không nói thêm một câu gì cả, ngoài ra lại có vẻ như muốn làm «phiếm phiếm» công việc đó để về cho lẹ vì hình như anh sợ nếu đứng lại lâu mà các cụ chất vấn thì «nguy» quá.

Nguyễn Nhược Pháp nghĩ như thế, thế ra cũng đúng một phần nào. Là vì lúc đó viết văn viết báo in sách in vở không phải là chuyện chơi. Dưới ba mươi tuổi, người ta dễ bị coi là «lau nhàu» theo các cụ thì phải già mới viết được văn mới viết được văn mới in được sách, mà Nguyễn Nhược Pháp thì lúc ấy mới chỉ có hai mươi tuổi. Cố nhiên một anh bạch diện thụ sinh «chưa sạch máu dẫu» mà dám chèn vồn làm tác giả mà lại viết thơ in thành sách trong khi các cụ đã đầu râu tóc bạc cả rồi mà chưa được cuốn sách nào mà anh bạch diện như thế không được.

Mặc dầu các cụ trịnh trọng cầm cuốn sách vái một vái ngắn để cảm ơn tác giả, tôi tưởng như cảm thấy các cụ đang đánh một cái dấu hỏi lớn trong đầu «cậu Pháp mà làm thơ in sách?» — «Ờ mà thật cậu Pháp làm thơ?» — [«Thơ gì? Thơ ngày xưa! Để đọc thử xem ra thế nào?»]

MAI ĐĂNG ĐỆ NGƯỜI ĐẦU TIÊN KHÁM PHÁ RA NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

Nói thế mà thôi, chớ nói xong các cụ xếp cuốn «Ngày xưa» lại cho vào ngăn kéo. Là vì chưa... các cụ hình như đã quên việc tập thơ của Nguyễn Nhược Pháp «không ra cái chết gì» —

làm thơ còn chẳng ăn ai hưởng chỉ là một cậu bé học trò chỉ biết chữ Pháp «không biết dùng chữ nho» mà lại chơi trò dám công khai lên vào làng bút mực thì khỏi phải nói, ai cũng biết là không đáng đếm sía «một ly ông cụ».

Cụ Mai Đăng Đệ bút hiệu Trúc Sơn, Tam Hữu, một tay cử nhân đã từng tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục chống Pháp không biết có nghĩ như thế hay không? Nhưng bởi vì công việc làm ăn bắt buộc cụ không thể im luôn như các cụ khác trong tòa soạn. Lúc ấy cụ phụ trách viết xã thuyết và thường xuyên viết một bài trào phúng theo kiểu «Phim» ký tên là Lãn Thần Tiên Sinh, ngoài ra có thời giờ thì đọc các sách người ta gửi biếu và viết dăm ba câu giới thiệu.

Cụ cử Mai ít nói, thừa thì giờ thì ngồi vuốt râu nói chuyện một mình thỉnh thoảng lại cười lên khanh khách. Biết rằng Nguyễn Nhược Pháp là con trai cụ Nguyễn Văn Vĩnh, cụ Cử lưu ý cuốn Ngày Xưa hơn các cuốn văn thơ khác, thỉnh thoảng lại dở ra đọc một bài để hỏi ý viết một bài giới thiệu. Đọc nhón nha như thế chừng hơn một tuần, một hôm cụ đập tay đánh đét một cái xuống bàn vẩy ống quần lên đội lại cái mũ nời rồi bảo tôi (vì lúc ấy tòa soạn ngồi chung một bàn dài mà tôi ngồi ngay sát cụ): -

— Gớm chết! Thơ hay quá, ông Thiên Tường ơi! Phải đọc đi, đọc ngay đi mới được.

Thơ gì hay quá? Thơ ai hay quá? Tôi phải thú thực một điều: chính tôi cũng quên chưa dở đến cuốn Ngày Xưa của Pháp ra đọc lấy 1 bài. Bởi thế nghe thấy cụ cử Mai khen thơ hay quá tôi sừng sốt không hiểu là thơ ai, thơ gì. Đến tận khi cụ cầm cuốn «Ngày Xưa» dở lên trời như múa, tôi mới biết là cụ khen Nguyễn Nhược Pháp và cũng lúc đó cả tòa soạn quay cả lại nhìn cụ Cử không nói gì nhưng lắng tai nghe. Cụ Cử Mai nói:

— Thơ hay thật. Ra cái cậu Pháp nay gớm thật tưởng là viết dứa một vài câu nào ai có biết đầu bài thơ nào cũng khá nếu không toàn bích thì bài nào cũng được vài ba câu... già đặng!

Sau này, bản vẽ thơ Nguyễn Nhược Pháp, nhiều người ca tụng hết lời không mấy ai chê, nhưng tôi biết chắc người đưa Nguyễn Nhược Pháp từ chỗ tối ra chỗ sáng từ một cụ học trò nhút nhát lên văn đàn rực rỡ hào quang, người đã "tìm" ra Nguyễn Nhược Pháp người ấy chính là cụ cù Mai Đăng Bạ. Cụ cử giới thiệu "Ngày xưa" trong một bài đăng hay nhất báo "Trung Bắc Tân Văn" cũng nên ghi thêm rằng hồi ấy cụ Nguyễn Văn Vinh vì bận kinh doanh một phần, mà phần khác là lo trang trải công nợ nên không bao giờ trông đến báo. Vào hôm sau, vì có người thóc mách nói đến tại cụ sau khi xem bài giới thiệu, cụ Vinh mới tạt vào tòa soạn xem bài đó và nhân tiện mượn một cuốn "Ngày xưa" để coi xem thế nào.

Thì ra Nguyễn Nhược Pháp làm thơ, in sách, cụ Vinh ông cũng như cụ Vinh bà hoàn toàn không biết gì cả. Nguyễn Nhược Pháp in sách bằng tiền của chính anh dành dụm và trả trước hết cả cho nhà in lúc này do cụ Nguyễn Hữu Như quản nhiệm. Pháp in tất cả đầu chừng một ngàn cuốn bìa giấy màu xám, chữ đề ở ngoài có hai chữ "Ngày Xưa" và tên tác giả, không có trang ở ngoài bìa nhưng bên trong tôi nhớ chừng như có hai ba bức phụ bản in trên giấy láng do anh ruột Pháp là Nguyễn Giang (lúc ấy vừa ở Pháp du học về) minh họa.

Cuốn "Ngày Xưa" tuy được giới thiệu đặc biệt như thế nhưng ngay lúc đó không được mấy ai chú ý—một phần có lẽ vì lúc ấy người ta đang thích thơ Đường than mây khóc gió, nhớ nước thương nhà một cách xa xôi bóng bẩy hay những thơ lục bát chau chuốt một tưng tưng giống với như Nguyễn Trãi, Trần phi Khanh chẳng hạn, chứ văn thơ thuần túy nghệ thuật thì chưa mấy ai biết thưởng thức như bây giờ.

CƯỚC ĐỜI NHƯ BÓNG MÂY

Đây giờ còn nhớ được điều gì giữa cụ Vinh và Nguyễn Nhược Pháp tôi chỉ nhớ là sau khi đọc cuốn "Ngày xưa" cụ Vinh một hôm cười ha hả đến giữa tòa soạn nói rằng :

Cũng hay tôi không ngờ lại có con thi sĩ. Nhờ các tiền sinh đi trước cháu sau này chịu khó là nhờ ơn các tiền sinh.

Thế rồi ba năm qua đi mau lẹ không ai hay gì cả. Một ngày mùa rét năm 1938 chính nơi trang nhất của tờ báo vừa khen thơ Nguyễn Nhược Pháp người ta thấy một tin buồn : Nguyễn Nhược Pháp đã qua đời, hưởng dương hai mươi bốn tuổi.

Riêng tôi lúc ấy chưa hề bao giờ lại cảm thấy câu "cuộc đời như bóng mây" mà các cụ vẫn thường tung trong thơ lại đúng và buồn đến thế. Nguyễn Nhược Pháp qua đi như 1 cái bóng mây không hơn không kém : lên lên, đi học, viết 1 cuốn thơ vài cái kịch ít truyện ngắn đăng trên các báo "Tinh Hoa" "Ngày nay" và "Đồng hương tạp chí" (1) rồi chết chưa kịp hưởng thụ một tí gì cho cuộc đời.

Có người về sau này bình phẩm thơ của Nguyễn Nhược Pháp cho rằng thơ anh đượm một màu trào phúng thú vị. Thực tình tôi không bao giờ thấy bất cứ trong thơ văn nào của Nguyễn Nhược Pháp lại có một tinh thần trào phúng như các nhà phê bình kia đã nói, mà chỉ thấy một cái gì buồn man mác, như nhớ đến một hiền kiệt xa xôi, nhớ rừng, nhớ núi, nhớ một mối tình lặng lẽ, nhớ một bàn tay ngà ngọc đã mất rồi không còn thấy nữa... Có lẽ cái gì đó mà người ta gọi là trào phúng trong thơ văn của Pháp chỉ là một thứ trí khôn, một kết quả của tương tượng phát xuất từ một đầu óc ngây thơ, vô tội, nhìn đời một cách chân thành như một con chim non nằm trong tổ ở trên cao nhìn xuống cõi trần cát bụi.

Một người như thế quả thực là chưa bao giờ và cũng không bao giờ lại quan niệm đời là xấu nên nó ra câu gì viết ra chữ gì là thành thực cả, chứ không bao giờ lại ca tụng, ngợi ca hay nghĩ làm điều ác, dù nói con cho, con mèo, con sâu, con kiến...

NHÂN CHỨNG CÒN KIA, CHUNG TÔI LỜI TÔI VỪA NÓI

Trong các bạn hữu còn lại đến bây giờ của Nguyễn Nhược Pháp, hiện giờ còn ở nơi đây, anh Nguyễn Đào Văn Sơn, nguyên chủ nhiệm báo "Trung Bắc Chủ Nhật" có thể làm chứng cho

những lời tôi vừa nói. Có thể nói Vương là một trong những người bạn thân nhất của Pháp được Pháp tâm sự khi nhiều, nhưng theo lời Vương nói với tôi thì chưa bao giờ Nguyễn Nhược Pháp tâm sự với anh về tình cảnh gia đình của anh.

Nguyễn Nhược Pháp, theo lời Nguyễn Doãn Vương, không dám nói một câu làm méch lòng ai, không dám nói một câu gì mà anh cho lại hại đến âm đức. Hình như anh có một cái gì như tự ti mặc cảm : gặp ai anh cũng e dè, xấu hổ như sợ kềm người ta, anh dòm mặt và bao giờ cũng lấy bàn tay che miệng, tưởng như nghĩ rằng nếu nói mà há miệng ra, để hở răng ra thì là vô lễ vì có thể bắn vi trùng vào người khác !

Một phần vì thế, Pháp rất ít bạn, chỉ giao du với một số người mà anh biết rõ. Nhưng dường như cái thủ giao thiệp với bạn, đối với anh chỉ là thứ yếu. Pháp thích sống một mình, tự giam mình vào một nơi kín để đọc sách và viết văn hay suy nghĩ.

Nguyễn Doãn Vương tiết lộ với tôi :

— Sinh thời Pháp, anh có một ước vọng mà không thực hiện được là trình diễn vở kịch "Người học vẽ...". Chính anh đã nhiều lần gặp riêng tôi để yêu cầu tôi chọn mấy bạn chơi vở kịch này, nhưng về sau, không nhớ vì lý do gì kịch ấy không được mang lên sân khấu.

Pháp lấy làm tiếc lắm, nhưng không kiểu cách như một số thanh niên khác, anh nói thực là anh rất lấy làm ân hận.

— Bao giờ, và bất cứ việc gì, Pháp cũng chân thật như thế.

Tôi còn nhớ có một hôm đương làm việc trong phòng tối lúc ấy Vương còn làm ảnh kềm, Pháp hút dơ hút hoảng đến tìm tôi, có nèo kỳ được "đi ăn cái gì". Tôi hỏi : «Sao hôm nay giàu thế ?». Pháp móc túi, cầm mấy đồng bạc giấy rơi lên trời và khoe : «Tôi vừa đến Ngày Nay » họ trả cho hai đồng tiền nhuận bút cái chuyện ngắn họ đăng thẳng trước. Tôi vội chạy về đây mời anh đi "mò" cái gì chơi cho thú !

Cái thú của Pháp chỉ giản dị có thể nhưng ít khi anh được hưởng. Hầu hết cuộc đời của anh chỉ là một cái sầu liên miên, sầu vô cớ, hỏi tại sao sầu thì không biết tại sao. Nhưng

bởi vì thọ hưởng một nền giáo dục vừa Á vừa Âu, anh theo đúng tác phong của cụ thân sinh từng viết ra trong truyện « Miếng da lừa » theo đó người quân tử thường « đau cảm sâu kín » nên ít ai gặp Pháp lại thấy Pháp lộ vẻ buồn, trái lại, lại tỏ ra bất thiệp đơn đả và ham cười nửa miệng.

Đó là đối với các bạn trai quen biết. Lúc học luật, có nhiều cô có cảm tình với Pháp thường đến với anh để bàn truyện học hành và bàn về truyện trời mây trăng nước : Pháp không dám chối từ nhưng đã tỏ ra hết sức nhát, thành thử cho đến khi mất, có thể nói anh chưa biết kỹ một cô nào cả.

— Chưa được hưởng lộc của đời một chút gì chưa biết tình yêu trai gái chưa bước ra khỏi Bắc Việt một ngày : bỗng nhiên zhuôn bịnh, mắt tiếng đi rồi chết thực là ai oán. Ngay lúc anh nằm xuống các người thân thích và một số anh em cho rằng anh bị thần trùng bắt (vì lúc này gia đình cụ Vĩnh bắt đầu xuống, mấy năm liền. Có những người kể tiếp nhau qua đời) theo các người có óc « khoa học » hơn, thì pháp mắt không phải vì thần trùng hay ma quỷ gì hết mà chính vì anh đã mắc bịnh lao. Nguyễn Phò, em của Nguyễn Nhược Pháp là người bạn thân nhất của tôi, đã nhiều lần hỏi anh về Nhược Pháp, Phò chỉ nói Phò nhận Pháp nó là một thằng khá lắm, nhưng nó tiến hơi nhanh quá.

Câu bình luận của Phò rất là xác đáng. Là bạn với anh từ nhỏ, lớn lên lại cùng viết văn xuất bản và làm báo với nhau tôi vẫn có biết nhờ Phò vì anh là một thứ « bách khoa từ điển » cái gì cũng nói được cái gì cũng biết tí tí, nhất là về vấn đề phân tích, mổ xẻ người và việc thì anh tỏ ra hết sức là thông suốt và thông minh.

Đối với người ngoài, cũng như đối với anh em bè bạn, Phò không bao giờ vị tình, chỉ cần nói ra sự thật do mình nghĩ thật và cảm thật : ông cụ có lỗi anh cũng chê, nhưng ai có tài mà phải nhận hay cố ý làm ra mù óc và đê hạ người lạ xuống Nguyễn Phò quyết đấu lý cho tới cùng và cãi cùng cho đến khi nào, trong 2 người có một người được, một người thua mới chịu thôi.

Quả đúng như lời Nguyễn Phò : Nguyễn Nhược Pháp tiến hơi nhanh quá. Văn thơ của anh, lúc ra đời, không mấy ai thấy rằng hay ; con người của anh, lúc sinh thời không mấy ai buồn đề ý : đến lúc biết thì đã muộn. Nguyễn Nhược Pháp chết « cũng hơi nhanh quá ».

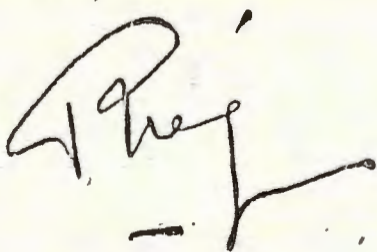
Những đêm buồn bức nghe thấy có ca sĩ ngâm lên bài thơ « Chùa Hương », « Sơn Tinh, Thủy Tinh » hay bài « Đi cống », nhớ đến Nguyễn Nhược Pháp tôi thường lấy câu « Mỹ nhân tự cô như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu (1) » ra đề an ủi lòng mình. Rồi đến khi chấp chờn sắp ngủ, tôi lại nghĩ đến 1 đoạn chót trong truyện Đông Chu liệt quốc nói về mưu sĩ Cam La lên bảy tuổi làm cho Lã bố : Vì phải kính sợ vì đã thuyết phục nổi danh tướng Trương Đương.

Tạo Hóa ghen ghét người tài : đó là một cái luật từ ngàn xưa để lại.

Nguyễn nhược Pháp, có phải là người tài hay không, mà sao cũng không tránh được cái luật khắc khe đó của ông tạo đồ tài, đồ sắc ?

19-11-70

10/10/36



chữ ký của

NGUYỄN NHƯỢC - PHÁP

BÀNG BÁ LÂN

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

Mùa đông năm 1934 . Tôi thường lui tới nhà in Lê-Cường ở 88 phố Huế, Hà-nội để sửa bản in thử (morasse). Hồi đó tôi đang cho in tập thơ đầu tay : « Tiếng thông reo ». Lần sau cùng khi đến coi sách vào bìa, tôi thấy thợ đang sắp chữ một tập thơ mới. Vì ít thì giờ và vội đi, tôi cũng không đề ý nếu một bác thợ, đứng gần đấy không cao hứng đọc to bản rập thử « Sơn tinh, Thủy tinh »... Những tiếng lạ tai và vô nghĩa ấy kêu gọi trí tò mò của tôi. Tôi liền vẩy tay ra hiệu bảo bác đưa coi bản in thử . Và tôi đọc trước lơ đãng, sau chăm chú dần dần.

Thì ra đó là bài thơ đầu mà cũng là bài thơ — theo tôi — có giá trị nhất trong tập « Ngày xưa » của Nguyễn-nhược-Pháp, một nhà thơ lúc đó — cũng như tôi — chưa ai biết tiếng vì một lẽ giản dị là mới đang sửa soạn ra đời. Bài ấy nhan đề là « Sơn Tinh Thủy Tinh » chứ không phải « Sơn Tinh, Thủy Tinh » như bác thợ in đã đọc lầm. Số là nhà in Lê Cường, tức nhà thuốc Hồng Khê, khi ấy mới khai trương nên chữ in còn thiếu nhiều, nhất là loại chữ lớn Việt-ngữ. Bởi thế mấy tập thơ hồi đó, in tại đây đều bị sắp những đầu bài bằng chữ không dấu (chữ Pháp)

mặc ai muốn đoán thế nào thì đoán ! Vậy mà chúng tôi không thấy chướng mắt, cả đọc giả nữa. Có lẽ tại ngày ấy người ta còn giản dị, dễ dàng.

Thế là, không quen biết Nguyễn-nhược-Pháp mà cũng chưa nghe nói đến cái tên ấy bao giờ, lần đầu tiên tôi thường thờ thơ anh giữa tiếng máy chạy rầm rầm, trên mảnh giấy in thử nhỏ nhem và sai lầm be bét. Nhưng không vì thế mà bài thơ kém hay, trái lại nữa . Câu chuyện « Sơn tinh, Thủy tinh » không lạ gì

với tất cả chúng ta. Nhưng phải được nghe Nguyễn-nhược-Pháp kể lại — mà kể bằng thơ — mới cảm thấy hết cái thi vị và thú vị của nó. Hơn nữa, lời thơ dí dỏm, nụ cười hóm hỉnh của anh càng làm cho câu chuyện thêm duyên dáng đậm đà và có tính cách khôi hài nữa. Tác giả như một ông tạo hóa con người thông thả nặn những nhân-vật xưa, cho diễn lại những chuyện cũ, rồi ngồi cao xem, cười lặng-lẽ một mình. Với Nguyễn-nhược-Pháp không có gì là quan trọng hết, dù là cuộc đời, vua chúa hay thần nhân.

Đọc thơ anh, ta vui nhưng không vui ồn ào, không cười ầm ĩ. Ta chỉ cười thầm, nhưng là những nụ cười sâu sắc, ý-vị biết bao ! Và ta thấy — cùng với tác giả — mến yêu những người xưa thật-thiết.

Ta hãy xem tác-giả gây không-khí trước khi tạo nhân-vật để đặt cho đứng chỗ :

*Ngày xưa, khi rừng mây u-ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-Vương thứ mười tám,
My-Nương xinh như tiên trên trần ...*

Có lẽ tôi cần phải sao lục toàn bài thơ ấy ra đây mới để trình bày cảm tưởng ban đầu của tôi đối với tác giả « Ngày xưa ». Vậy xin đọc giả hãy cùng tôi đọc tiếp :

*Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô,*

*Trần gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !*

Thật là kiệt-tác. Ngoài những câu chứa-chan thi-vị hoặc là đẹp như gấm làm người đọc chú-ý ngay từ đầu, còn những nụ cười hóm-hỉnh nhưng hiền lành, dí-dỏm một cách thông-minh ấy sau những câu thơ đặc ý.

Cũng vì thời ấy « sông núi vang um tiếng thần » nên người ta thường có dịp tiếp-xúc với thần thánh và Hùng-Vương mà không kinh-ngạc thấy :

*Sơn-tinh có một mắt ở trán.
Thủy tinh râu ria quần xanh ri.
Một thần phi bạch hồ trên cạn.
Một thần cười lưng rồng uy-nghĩ...*

và cả hai thần cùng đến Phong-Châu « xin My-nương ».

Xin My-nương, vì thời đó thần tiên cũng « đi lấy vợ cũng để cho « lòng to vương » và — cũng như người trần chúng ta—thích khoe khoang :

*Thủy-tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bất quyết hò mây to nước cả,
Đậm chân rung khắp làng gần quanh...*

cũng biết « lấy lệ » với gái :

*My-nương ôm Hùng Vương kính hải,
Sơn-tinh cười, xin nàng đừng lo,
Vung tay niệm chú : Núi từng dải,
Nhà lớn đời con lồm-ngồm bò...*

cũng biết « dương vậy » trước người đẹp :

*Choảng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hồ đứng chân, lúi, vênh tai.
My-nương tung bức rèm đỏ thắm,*

*Sơn-tinh trông thấy càng dương cái,
cũng ghen tức đến « choảng » nhau kịch-liệt ,*

*Thủy-tinh năm năm dâng nước bề,
Đục núi hò reo đòi My-nương.
Trần-gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !*

Cái cười của Nguyễn-Nhược-Pháp là cái cười trong sáng, thông-minh, tao-nhã. Qua suốt cả bài thơ, ta thấy tác-giả luôn luôn mỉm cười, nụ cười hóm hỉnh nhưng hiền lành đầy tình thương mến.

Tả nổi lưỡng-lự, băn khoăn của Hùng-vương, anh có những câu rất dí dỏm, thú-vị :

Nhưng có một nàng mà hai rề.
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !

và :

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Tả cái ghen của Thủy-tinh, anh hóm-hình viết :

Trần-gian đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !

Nói về phép mầu của Sơn-tinh, anh dùng chữ rất tài tình,
linh-dộng :

Niệm chú, đất này vù lên cao.

Đoạn tả hình dạng Sơn-tinh, Thủy-tinh và cuộc tranh hùng
của hai thần có một vẻ đẹp hùng tráng của những nhân vật trong
anh-hùng ca. Xen vào đây, ta vẫn luôn luôn thoáng thấy nụ cười
tinh-ngịch của thi-nhân điềm xuyết cho câu chuyện thêm phần
hùng thú. Ai đọc mà không phải buồn cười một cách thú-vị
trước những hình ảnh kỳ cục tức cười như :

Nhà lớn, đôi con lờm-ngõm bò
Chạy mưa.

Và cảnh cua, tôm, cá đội những hòm ngọc trai đi dẫn cưới :

Khập-khiểng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tập-tềnh đi hàng hai.

Rồi chính những con vật vụng-về ấy lại đột nhiên trở thành
một đạo binh kỳ quái, hùng-dũng một cách tức cười :

Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa...

.....

Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lờm-chờm giờ như mác.
Tôm kèn chạy quắp đuôi xôn-xao.

.....

Tôm cá xưa nay im thín-thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh.

Ta tưởng như xem những hoạt-họa khôi hài của Walt Disney

trên màn bạc.

Ngoài ra, còn những câu tả cảnh chùa chơn thi-vị làm cho
người đọc phải đặc biệt chú ý, như :

Bình-minh má ứng đào phơn-phớt,
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
Ngọc liễu chim vàng ca thánh thốt...

Rừng xanh thả mây đào man-mác, v.v..

và những câu tả My-nương rất khéo, lúc nàng bẽn-lẽn khi vua
cho "tùy con kén chọn" :

My-nương khép nép như cảnh hoa,
cũng như khi nàng khóc nhớ lúc ra đi theo chồng.

Mì xanh lệ ngọc mờ hơi sương :

Nàng xinh đẹp, dịu-dàng như vậy, cho nên chàng những rất
nhiều chàng say đắm .

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ !

mà cả đến chim cũng phải đắm say :

Cánh nhạn long-lanh vờn ánh lửa,
Mê nàng, chim ngán lưng trời đông.

Xưa rày, nói đến Nguyễn Nhược Pháp ta thường chỉ nhắc
đến bài thơ « Chùa Hương », mà hầu như không biết đến
bài « Sơn-tinh, Thủy-Tinh » này. Các tập thi-tuyển cũng vậy. Thực
là một thiếu sót đáng kể. Vì chỉ ở bài này, ta mới thấy rõ nụ cười
duyên dáng đặc biệt, mới thấy hết cái thiên tài độc đáo của anh.
Đọc những câu thơ trên đây, ta có thể thấy rõ cả sự thích thú
của thi nhân khi gieo được những vần đặc ý. Và đây hẳn là đề
tài mà, khi viết, tác giả « Ngày Xưa » có nhiều cảm hứng nhất.
Có lẽ cũng vì thế mà anh đã đề bài này lên đầu tập thơ và, để
quảng cáo cho sách khi sắp phát hành, anh đã chọn bài này cho
đăng trên báo Nhật Tân hồi ấy (đầu năm 1935).

Đó là một cơ duyên khiến tôi không ngần ngại sao lục trên đây
toàn bài thơ trường thiên ấy để bạn đọc tiện so sánh mà hiểu
biết mọi khía cạnh về nụ cười trong sáng của Nguyễn Nhược
Pháp. Nụ cười mà Hoài Thanh — trong cuốn Thi nhân Việt Nam

— đã phê bình rất đúng như sau. «Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu... Nó hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thị đàn. Nhưng còn một điều này nữa mới thật quý: Với Nguyễn Nhược Pháp, nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng. Những cảnh, những người đã khiến thi nhân cười cũng là những cảnh những người thi nhân mến».

Mùa xuân năm 1935. Bấy giờ tôi đang ở ẩn tại một miền quê thuộc tỉnh Bắc giang. Mảng vui cảnh suối đồi vườn ruộng, tôi tìm lối bước chân đến chốn thị thành. Vì thế, tập thơ Ngày Xưa của Nguyễn Nhược Pháp đã phát hành mà tôi vẫn chưa được đọc.

Bỗng một hôm, một người em cô cữu đến chơi cho tôi hay là anh vừa được coi bài phê bình tập thơ «Tiếng Thông Reo» trong báo L'Annam Nouveau do Nguyễn Nhược Pháp viết. Tôi vội cho người đi mượn số báo đó của ông diễn chủ ở gần bên. Vì ông này là bạn thân của ông Nguyễn Văn Vĩnh (thân sinh ra Nguyễn Nhược Pháp) nên tất cả những báo chí do ông Vĩnh xuất bản, chủ trương, ông đều mua cả. Số báo đó là số báo ngày 11-4-1935. Tôi chăm chú đọc bài phê bình dưới cái đề mục «Le coin des rimeurs». Đọc xong, tôi cảm động và thấy mến anh vô cùng. Cảm mến không phải vì anh đã quá khen tôi, mà vì văn anh viết rất lưu loát, lời nhã nhặn và duyên dáng; hơn nữa, anh tỏ ra hiểu tôi nhiều.

Tôi liền viết một bức thư cảm ơn và nhân tiện đề làm quen gửi về tòa soạn L'Annam Nouveau. Ít ngày sau thì nhận được thư trả lời đề ngày 20-4-1935, kèm theo một cuốn «Ngày Xưa» in trên giấy thiết tốt (vergé baroque crème). Trong bức thư này, có mấy câu mà tôi nhớ mãi (1).

(1) L.T.S Tân-Phong: Trong bức thư của Nguyễn Nhược Pháp, có đoạn như sau này: «Tôi rất lấy làm mừng vì đã hiểu được tâm hồn anh. Cái vui nhất của người phê bình là đã hiểu thấu được tâm hồn tác giả cuốn sách. Như ý tôi, thì phải thật là thi sĩ mới biết yêu thú quê, cái thú vui mộc mạc. Ca hát tình yêu thì hỏi người trai trẻ nào mà không ca? Đã là văn thì phải cần có cái gì xuất sắc... Thơ anh hơi diêm chút buồn, nhưng cái buồn, êm ái diêm đạm. Thơ cảnh lại có tình thì hoàn toàn vậy. Tôi dám quả quyết rồi sau này anh sẽ chiếm một địa vị độc nhất trong làng thơ: anh sẽ là thi sĩ của thôn quê. Chắc anh không quên nhà thi sĩ la-tinh trú danh nhất là Virgile, một người yêu cảnh thôn quê một cách lạ lùng. Anh nên lấy mà làm gương...»

Thơ tôi thiên về đồng quê, dĩ nhiên vì tôi vốn ưa mến cảnh đồng ruộng và từng sống nhiều ở đó, nhưng một phần cũng vì lời khuyến khích của Nguyễn Nhược Pháp. Hơn hai mươi năm qua rồi, kiếm điếm lại những sáng tác của mình, tôi không khỏi buồn rầu và hổ thẹn, vì nhận thấy không xứng đáng với lòng tin tưởng của anh đối với tôi.

Từ bữa đó, chúng tôi thường viết thư cho nhau, anh cho tôi biết địa chỉ nhà riêng (số 7, route du Village du Papier, Hà Nội) và bảo tôi về chơi. Cái biệt thự này của ông Nguyễn Văn Vĩnh, tôi có biết; vì trước đó suốt mấy năm học trường Bưởi, ngày nào tôi cũng bốn buổi đi qua. Tôi sốt sắng hẹn với anh về chơi, cũng như anh hứa sẽ lên thăm tôi ở ấp. Nhưng rồi cả tôi lẫn anh đều cứ lần lần lữa lữa đề lời hứa hẹn trôi xuôi. Có lẽ tại bấy giờ chúng tôi đều còn trẻ quá, cho là ngày dài tháng rộng lo chi.

Thế rồi một hôm tôi bỗng nhận được thư anh bảo tôi viết bài gửi đăng báo L'Annam Nouveau cho vui. Anh khoe đã kéo được cả Huy Thông, Leiba cùng viết. Nhưng rồi bài báo đầu tiên của tôi gửi về đã làm anh... ngán ngạn. Vì anh yên trí tôi sẽ viết bài về văn chương, thì tôi lại bàn đến vấn đề dân số và khai khẩn đất hoang với tất cả thể thức phiền nhiễu của nó. Tôi còn nhớ đầu đề bài ấy là «Autour du problème démographique au Tonkin», Nhận được bài này, anh có cảm tưởng y hệt như cảm tưởng của một người yêu thơ đến thăm Tân Đà đề nghe thơ thì lại chỉ được nghe toàn chuyện... ăn nhậu.

Còn một điều đáng nói nữa về Nguyễn Nhược Pháp là thái độ thẳng thắn và cứng cỏi của anh. Hồi ấy thơ mới đang được đất này nở. Ngôi sao Thế Lữ đang sáng chói. Trên thị đàn, nhà thơ này mặc sức dưng dưng kích tậy. Dưới bút hiệu Lê Ta, ông phê bình thơ người này người khác. Phần nhiều bị ông điều cợt chê bai. Thăng hoặc có tập thơ được ông khen, nhưng lại khen bằng một giọng trịch thượng. Được vậy là nhờ nhóm Tự Lực văn đoàn đang có ưu thế và báo Phong Hóa đang được nhiều người ủng hộ. Giữa lúc ấy, Nhược Pháp đứng ra chống với Thế Lữ. Luôn mấy kỳ, trên báo L'Annam Nouveau anh phản tích và

vạch rõ những cái dở, cái sai lầm trong thơ Thế Lữ. Thế Lữ hung hăng đả kích lại trên báo Phong Hóa. Nhưng trước những lý lẽ chắc chắn vững vàng trình bày bằng một giọng điềm đạm cử Nhượng Pháp, Thế Lữ nhụt dần...

Trong một bức thư viết cho tôi, Nhượng Pháp có nói về Thế Lữ như sau : « Thế Lữ không phải là một người biết yêu sự thật giản dị. Thế Lữ ưa những sự hoang đường vô nghĩa lý, để lừa mắt trẻ con hay những người không có học ». Lời phê bình tuy hơi khe khắt, nhưng không phải không có phần đúng.

Ít lâu sau, trên báo Phong Hóa, bỗng có một bài phê bình tập thơ Ngày Xưa với những lời khen ngợi nồng nàn ít có, dưới ký tên Lê Ta. Thái độ của Thế Lữ thật đáng khen và càng chứng tỏ cái chân tài của Nhượng Pháp vậy.

Thế rồi cái ngày tang tóc đến một cách hết sức đột ngột. Một ngày vào hạ tuần tháng Novembre 1938, tôi coi trong báo bỗng thấy mấy dòng cáo phó làm tôi rụng rời: Nguyễn Nhượng Pháp đã mất tại bệnh viện Lanessan hồi 7 giờ sáng ngày 19-11-1938 (tức ngày 28 tháng 9 năm Mậu dần). Vì tôi ở quê, báo đến chậm, biết tin thì thì hải Nguyễn Nhượng Pháp đã nằm yên dưới đất rồi. Thế là tôi không bao giờ được gặp Pháp. Cũng không được đưa đám ma anh. Tôi buồn rầu giờ hết cả thư và thơ của anh ra xem lại. Càng đọc, tôi càng thương tiếc anh và càng giận tôi vô hạn. Sạc tôi lại có thể lần chân, lười biếng đến như thế được! Suốt trong thời gian quen Nguyễn Nhượng Pháp, tôi cũng có nhiều lần về Hà Nội và cũng đã nhiều lần tự nhủ sẽ đến thăm anh... Thế mà rồi vì phải chạy nhiều việc, vì vội về, vì ngại xa, cứ lần lữa tự khất dịp này qua dịp khác, để đến nỗi bây giờ...

Hôm ấy, tiết trời vào cuối thu. Ngoài vườn gió heo may bứt tía lá vàng, tung đi muôn ngả. Tôi chợt nhớ đến câu thơ của Tản Đà mà không lúc nào tôi thấy hợp cảnh hợp tình bằng lúc đó :

Vào trông lá rụng đầy sân,

Công danh phù thế có ngần ấy thôi ! (1)

BANG BÁ LÂN

(Trích Kỷ Niệm Văn Thi sĩ hiện tại — tập I — 1962)

(1) Bài này phần nói về những kỷ niệm đã đăng ở Tập san Tân Phong số 6 (tháng 11 năm 1959). Phần phê bình thơ đã đăng ở Tập chí Phê Bình số 48 ngày 15-12-60.

NGUYỄN VỸ

VĂN THỊ SĨ TIẾN CHIẾN

— Phạm-huy-Thông và Nguyễn-nhượng-Pháp

Tôi muốn đề hai anh Thi Sĩ này vào chung một bài vì họ là một đôi bạn rất thân mà tôi thường gặp đi chung với nhau luôn hoặc khi vắng mặt người họ thì người kia cũng thường nhắc đến tên người này.

Đó là một điều hơi lạ, vì Nhượng Pháp và Huy Thông không có những điểm gì tương-dồng với nhau cho lắm. Đôi bạn Thi sĩ này có nhiều điểm dị-dồng thì đúng hơn. Huy Thông ít nói, có kẻ kiêu kỳ, mắt đeo đôi kính cận thì rất nặng (3 dioptries), càng lóng về mặt lạnh lùng, như kiêu hãnh. Không hiểu sao, về sau này cứ mỗi khi tôi trông thấy ảnh của nhà văn Mỹ Arthur Miller, với đôi kính dày, mo của chàng, là tôi sực nhớ tới Huy Thông. Hai khuôn mặt cũng dài dài và gầy ốm như nhau, hai đầu tóc cũng bõm xõm như thế. Chỉ khác là Arthur Miller cao, mà Huy Thông thấp, thế thôi. Lúc bấy giờ, Huy Thông, Nguyễn nhượng Pháp, Trương Tửu và tôi đều cùng xuất xãt một lứa cả, đã do thứ đều cùng cao 1m62 không ai hơn ai kém.

Nhượng Pháp không còn thi, và trái với Huy Thông anh ta hay nói, hay cười, tuy chỉ cười mỉm, và rất trạ
tối khôi hài, giọng nói rữ rĩ dịu dàng như cô gái hiền
lên trên đường đi chùa Hương.

Còn Huy Thông thì tôi chưa thấy anh cười lần nào. Anh nhếch mép một li thôi khi mà những người khác cười nổ vang lên.

Nhiều người bảo rằng Huy Thông kiêu căng, vì tư phụ mình là Thi sĩ, lại là con một nhà kim-hoàn giàu có nhất ở phố Hàng Bạc lúc bấy giờ. Nhưng tôi không tin lời phê bình ấy là đúng. Quen với Huy Thông nhiều và hiểu anh nhiều, tôi chỉ thấy anh ta rất nhã nhặn, lịch sự, và rất tốt đối với bạn. Có điều không chời cãi được là khi anh khinh một kẻ nào hất tai, hạng thi sĩ ba lạng những thích làm ra vẻ « ta đây » thì anh vạ lố vẻ khinh ra mặt, trông thấy không thêm chào, không thêm hỏi. Nhược Pháp theo phép xã giao, bề ngoài lịch thiệp hơn, với tất cả mọi người.

Tôi mến Huy Thông từ khi xảy ra giai thoại sau đây :

Năm 1933, một năm sau khi Bảo-Đại vừa ở Pháp về lên ngôi Hoàng Đế, ông được người Pháp đưa ra Hà Nội với mục đích tuyên truyền. Cuộc Bắc tuần này được chính phủ thuộc địa sắp đặt tỉ mỉ và đã gây ra được một không khí lung bùng nào nhiệt vô cùng.

Dám thanh niên học sinh còn ngây thơ và nhất là Nữ sinh lãng mạn, dai dẳng số là đọc giả những tiểu thuyết « ba xu », đã bị quyến rũ mê mẩn bởi hình ảnh « một vị hoàng tử trẻ đẹp trai » chưa có vợ, được người Pháp quảng cáo một hào quang rực rỡ, huyền ảo, uy nghi. Theo chương trình viếng thăm Hà Nội, Hoàng đế Bảo Đại đi viếng các đường phố giữa một huổi chiều tung bừng hoa lệ. Lúc ba giờ, xe Bảo Đại ngừng trước cửa nhà buôn Chấn Hưng là tiệm kim hoàn lớn nhất ở phố Hàng

Bạc, để xem các đồ thủ-công nghệ vàng bạc Việt Nam. Gia đình ông Chấn Hưng, thân sinh của Huy-Thông, rất vinh hạnh được « Ngai Ngự » chiếu cố đến tiệm vàng bạc của mình. Mọi người đều y phục chỉnh tề, cung kính đón vái long nhan. Riêng Huy-Thông ở trên lầu mặc bộ pyjama sọc xanh ngồi bàn làm thơ. Chàng thi sĩ trẻ tuổi, sinh viên trường Luật, không thêm xuống đón vua Bảo Đại.

Mấy hôm sau, Nhược Pháp và tôi đến chơi trên căn lầu ấy. Huy Thông không hề đá động đến chuyện Bảo Đại có vào xem các đồ kim hoàn trong tiệm. Chàng chỉ đọc cho chúng tôi nghe bài thơ dài sáu bảy chục câu mà chàng đã làm xong hôm ấy.

Tôi siết chặt tay Huy Thông, trong lúc Nhược Pháp cười hóm hỉnh nói một câu tiếng Pháp khôi hài.

Lúc bấy giờ Nhược Pháp cũng đang học năm thứ Nhất Cử nhân luật, cùng lớp với Huy Thông.

Hôm Huy Thông sang Pháp để tiếp tục học ở Đại học Luật khoa Paris, anh có dãi một liệc tra luận trọng ở nhà Thủy-tạ Bờ Hồ, mời các bạn thân. Một lần hôm ấy tôi đang bị bệnh, đã viết giấy đến xin lỗi và chức Huy Thông hôm sau thương lộ bình an, Nhược Pháp cũng đến nhà tôi kéo di cho được.

Rồi từ đó, chúng tôi biệt tin. Mãi đến 1953, Huy Thông đã đỗ Thạc-sĩ Văn-chương ở Pháp bị trục xuất về Saigon với người vợ dầm. Vợ chồng anh bị chính quyền Pháp ở đây bắt giam lỏng tại một căn nhà ở đường Paul Blanchy (Bây giờ là đường Hai Bà Trưng). Tôi đang làm chủ nhiệm nhật báo Dân ta. Một hôm, tôi ngạc nhiên nhận được một bức thư của Huy-Thông gửi đến tôi tại tòa báo, bức thư viết tay, đúng nét chữ của anh. Tôi biết lúc bấy giờ Huy-Thông đã theo Cộng-Sản và tôi không thể nào tưởng tượng được sự biến đổi ấy.

Bức thư anh nhờ một người cầm tay đem đến tôi, có mấy lời thăm tôi và nhờ tôi viết bài trên các báo phản đối việc giam lỏng anh ở Saigon, và yêu cầu Pháp cho anh được tự do về Hà Nội. Tôi rất tiếc chế độ kiểm duyệt báo chí thời bấy giờ không cho phép tôi làm được công việc mà Huy-Thông đã nhờ tôi.

.

Huy Thông ngày nay không còn là Thi sĩ Huy Thông nữa. Tôi viết bài này cũng chỉ là nhắc đến Huy Thông một Thi-Sĩ rất đáng mến, một người bạn thơ rất dễ thương của hồi tiền chiến mà thôi.

Tiếc thay! Bao giờ tôi gặp lại được Huy Thông hiền lành, mơ mộng của thuở xưa. Huy Thông lãng mạn của làng thơ Việt, Huy Thông đáng yêu của Tân-Ngọc say-mê?...

.

Nguyễn Nhược Pháp tình ra khỏi hải, ham mê tư do, độc lập, cũng như cụ Nguyễn văn Vĩnh là thân sinh của anh vậy. Tuy tình uất thực thà, và bất thiệp, nhưng anh rất trọng những tư tưởng tự do của anh, không chịu để ai hấn bóp được cả.

Tôi không quên được tập thơ « Ngày xưa » của anh xuất bản trong trường hợp hơi lý thú. Nhược-Pháp không có thi cảm nồng-nhiệt và thắm-thía như Huy Thông, cũng không có thi tứ dồi dào bao quát như Huy Thông. Anh chỉ ra cái gì phảng-phất nhẹ-nhàng thôi. Cho nên anh chỉ làm những bài thơ phớt phớt bề ngoài. Chính anh cũng đã bảo với tôi: Thơ của mỗa « superficielle. » (1)

Bài thơ CHÙA HƯƠNG là bài khá nhất trong tập thơ Ngày Xưa. Có một lai lịch kỳ thú không ngờ. Chuyển đi chùa Hương ấy, Nhược Pháp đi với tôi và hai cô gái

nữa, đều là nữ sinh cả. Hai cô có mang theo hai máy chụp hình, còn Nhược Pháp và tôi đều đi tay không. Trèo lên đến Rừng Mơ bỗng chúng tôi gặp một bà cụ vừa bước lên đèo, dường đã gờ ghề lồm chồm, vừa niệm: « Nam-Mô Cửu-Khở Cửu-Nạn Quan-Thế-Âm Bồ-Tát... » Cô gái quê có lẽ là con của cụ, cũng đang niệm chú ấy nhưng nửa chừng trông thấy chúng tôi là hai chàng trai nhún nhún trán-trần thì cô hẽn-lẽn làm thinh không niệm Phật nữa. Cô đang đọc: « Nam-Mô cứu-khở cứu-nạn... » rồi cô im. Đôi má cô đỏ hồng, cô cúi mặt xuống. Hai đứa tôi hỏi cô: Tại sao trông thấy chúng tôi, cô không niệm Phật nữa? Cô gái quê có vẻ đẹp ngày-thơ bỗng tỏ vẻ bối-rối muốn khóc.

Không ngờ hai cô bạn nữ sinh lên chụp được tấm hình hai đứa tôi đang hỏi chuyện cô gái quê, rồi cô lẽ không bằng lòng chúng tôi nên hai cô lên đi trước, và đi lúc nào chúng tôi không hay biết, cũng chẳng ước háng gì với chúng tôi cả, bỏ chúng tôi ở lại với cô gái quê. Chúng tôi mê nói chuyện với cô này, một lúc sực nhớ lại hai cô bạn chúng tôi vội vàng đi theo nhưng không kịp. Hai cô đã lên đến Chùa Ngoại, rồi lên đến Chùa Tiên-Sou, lẫn trong đám đông người, biến mất dạng. Đêm ấy ngủ trong Chùa Hương, sáng hôm sau ra về, chúng tôi mới gặp lại hai cô bạn đồng hành. Tôi phải xin lỗi mãi, nhưng Nhược-Pháp cứ tìm tìm cười không nói. Về Hà Nội, hai hôm sau, Nhược-Pháp đem đến tôi bài thơ CHÙA HƯƠNG, mà trong bản chép ra đầu tiên Nhược Pháp đề là « Cô gái chùa Hương ». Nhược Pháp lấy cuộc gặp gỡ lý thú của chúng tôi với cô gái quê để làm đề tài và tưởng tượng thêm ra, thành bài thơ đẹp, giọng thơ-ngày, y như cô gái chùa Hương hôm ấy...

Trong tuần ấy, anh góp-nhập các bài thơ của anh.

(1) Có bề mặt, không có bề sâu.

thành một quyển. Anh đưa tôi và hỏi:

— Có nên xuất bản không?

— Nên.

— Nhưng tiền đâu? Nhược Pháp cười móm-mém.

— Xin ông Cu.

— Thôi, tôi mà đưa ông Cu xem cái của nợ này, thì chắc chắn là ông Cu sẽ vứt nó vào sọt rác.

— Đưa bà Cu vậy.

— Ờ, phải đấy!

Một tháng sau, quyển thơ NGÀY XƯA ra đời. Sách in xong mà Nguyễn Nhược Pháp vẫn rụt rè, chưa dám đưa cu Nguyễn Văn Vĩnh xem vội, chỉ sợ Cu vứt vào sọt rác.

NGUYỄN KIM CHUÔNG

Đọc lại tập thơ « Ngày Xưa »

HAY LÀ

Nguyễn Nhược Pháp, nhà thơ

« Đi tìm thời gian đã mất »

Giữa lúc phong trào thơ Mới vừa chiến thắng nền thơ Cổ và đang sửa soạn đi đến một giai đoạn quá độ vì chỉ sản sinh những tác phẩm, thi phẩm than mây, khốc gió thì Nguyễn Nhược Pháp, một thi sĩ rất trẻ tuổi — mới 21 tuổi — cho trình diện Văn Học giới tiền chiến tập thơ « Ngày Xưa » (1935).

Nguyễn Nhược Pháp — với tư cách văn nghệ sĩ chứ không phải là con trai học giả Nguyễn Văn Vĩnh — vốn không phải là một khuôn mặt mới lạ đối với những người làm văn nghệ thời bấy giờ vì lẽ, trước đó chàng đã từng góp mặt với làng văn, làng báo Hà nội qua nhiều truyện ngắn, kịch bản, phóng sự v.v... đăng trên báo chí hồi đó. Thế nhưng, khi tập thơ « Ngày Xưa » của chàng vừa được xuất bản thì danh tiếng của Nguyễn Nhược Pháp nổi lên như cồn và tác phẩm đó đã được giới thưởng ngoạn nghệ thuật đón nhận với rất nhiều cảm tình đặc biệt.

5 năm sau, Hoài Thanh, Hoài Chân trong tác phẩm biên khảo « Thi nhân Việt Nam » (1940) đã ghi nhận lại bầu khí nghệ thuật lúc bấy giờ và cho ta biết nguyên nhân thành công của nhà thơ trẻ tuổi Nguyễn Nhược Pháp như sau. Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay mơ màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những

màu sắc tươi vui, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cố hữu và đã biết cười, cái cười của những « thất lưng dài đỏ hoe » những đôi « dép cong » nho nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng đâu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì.

Thế giới trong thơ N.N Pháp là thế giới của « Ngày Xưa », nghĩa là không phải là thế giới hiện tại. Thế nhưng thế giới thơ của chàng không hoàn toàn độc lập với thực tại nhưng là những sản phẩm, những thực tại lịch sử hay sự kiện xã hội của một thời xa xăm hay một thời vừa qua rất quen thân với người đọc. Những thực tại, những sự kiện, những nhân vật trong thế giới thơ của chàng là những sự vật, là những con người đã khởi đi từ thế giới này, từ cuộc đời trần lụy này của một không gian hoàn toàn Việt Nam, của một thời gian không còn nữa để đi về một thế giới, một vũ trụ khác, đi vào một thời gian không thuộc về những con người hiện sinh như chúng ta : đó là không gian và thời gian của Ngày Xưa.

Thế nhưng qua lăng kính và thi tài của N.N Pháp những thực tại, những sự kiện, những khung cảnh cũng như những con người của một Ngày Xưa xa xăm đó như hiện về rõ ràng và thơ mộng trước mắt người đọc. Cảnh, người và sự kiện trong thế giới thơ của « Ngày Xưa » của N.N Pháp có thể là cảnh những trận kịch chiến long trời lở đất giữa các đội hùng binh của Sơn tinh và Thủy tinh trong thần thoại Việt Nam :

« Thủy tinh cười lưng rồng hung hăng,
Cá voi quác mõm to muốn đớp.
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lồm chồm, giỡn như mác.
Tôm kènh chạy quặp đuôi xôn xao,
Sơn tinh hiểu thần ghen, tức khặc,
Niệm chú, đất này vù lên cao »

(Sơn tinh, Thủy tinh).

Câu truyện thần thoại này rất quen thuộc với người Việt chúng ta. Nó là một thần thoại mang nội dung lưỡng giá, vừa đề

giải thích hiện tượng lụt lội hằng năm ở vùng châu thổ sông Hồng vừa bao hàm rằng tình yêu vốn là một hiện tượng tình cảm có tính cách phổ quát. Đến các thần linh khi đã yêu cũng biết ghen và cường độ ghen tuông còn gay gắt và trường kỳ hơn cả con người, như nhận định dĩ dõm của Nguyễn Nhược Pháp sau đây :

« Thủy tinh năm năm dâng nước bề,
Đục núi, hò reo đòi Mỹ nương.
Trần gian đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường »

(Sơn tinh, Thủy tinh)

Đọc « Sơn tinh, Thủy tinh » trong « Ngày Xưa » chúng ta liên tưởng đến những mối cự thù giữa Tantalos và Agamemnon vì hình bóng của giai nhân Clytemnestre hay nghĩ đến những trận thư hùng ở thành Troie giữa những anh hùng Paris, Achille, Ulysse chỉ vì nhan sắc của một nàng Hélène trong các truyện thần thoại Hy Lạp.

Những không chỉ nhắc đến tình cảm yêu và ghen của người xưa, trong « Ngày Xưa » N.N Pháp còn nói đến những tấm gương trung tiết, chung thủy của một vương phi Mỹ Ê đối với vua Chiêm, một nàng Nguyễn thị Kim đối với vua Lê Chiêu Thống hoặc của một Mỹ Châu đối với người chồng dị chủng :

« Lấy thần trao móng, chàng đi xa,
Yêu nhau sao nở bạc nhau mà ?
Chàng đi — cho bao giờ gặp gỡ :
Phiên Ngung nước cũ lệ cầu hòa ».

(Mỹ Châu)

Cũng có thể trong « Ngày Xưa », N.N Pháp mô tả lại nỗi lòng mơ mộng của một nàng tiểu thư đài các và thâm nghiêm kín cổng nào đó, một đêm trăng ngồi tựa bên lầu.

« Mơ quan Nghè, quan Tham,
Đi có cờ lọng đưa »

(Tay ngà)

hay kể lại cho chúng ta nghe nỗi niềm e ấp, thăm kín của một người thiếu nữ theo thầy mẹ đi lễ và trên đường hành hương đã gặp được ý trung nhân một cách tình cờ :

" Nghi ngút khói hương vàng,
Say trong giấc mơ màng.
Em cầu xin Trời, Phật,
Sao cho em lấy chàng "

(Chùa Hương)

Đọc «Ngày Xưa», không những chúng ta bắt gặp những chặng đường tình cảm của con người muôn nơi và muôn thuở nói trên mà ta còn hình dung được những nhân vật, những mẫu người, những khung cảnh, những lễ tục nay chỉ còn là những vang bóng. Đây là cảnh một thư sinh ngày trước đang lững thững đi tìm ý thơ bỗng thoáng nhìn thấy bóng giai nhân trên lầu cao khiến chàng ngẩn ngơ :

Nàng chợt nghiêng thân ngà,
Thoáng bóng người xa xa.
Reo kinh hoàng, e lệ,
Đưa rơi cành bút hoa.
Ta mơ chưa lại hồn,
Nàng lệ gót lầu son,
Vừa toan nhìn nét phượng,
Giấy thẹn bay thu tròn...

(Một buổi chiều Xuân)

Đây là hình ảnh một thiếu nữ Việt Nam xinh tươi với những y phục và lối trang điểm cổ truyền :

« Khăn nhỏ đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào.
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quay thao.
Mẹ cười : « Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép cong.

Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ?"

(Chùa Hương)

hoặc cảnh vu quy của một nàng Công chúa trong một cuộc hôn nhân vương giả thời kỳ phong kiến.

...« Sơn tinh ngồi bạch hồ đi đầu,
Minh phủ áo bào hồng ngọc dát.
Tay ghi cương hồ, tay cầm lau,
Theo sau năm chục con voi xám.
Hục hục, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh.
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu
Hùng vương trên mặt thành liễu rủ.
Hơn hồ thần rồng, thoáng nụ cười,
Thần suốt đêm sao dài không ngủ.
Mây ngài, mắt phượng vẫn còn tươi,
Sơn tinh đến lạy chào bên cửa.
Vua thân ngự đón nàng Mỹ Nương,
Lầu son nàng ngồi trông lẫn lửa.
Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.
Quý lạy cha già lên kiệu bạc » .

(Sơn tinh, Thủy tinh)

Nói tóm lại, thế giới thơ của N.N Pháp trong « Ngày Xưa » tuy không phải là thực tại nhưng nó là thực tại trong trí tưởng của người đọc. Thế giới của « Ngày Xưa » tuy là một hư cấu nhưng nó vẫn cho người đọc một cảm thức rằng đó là một thế giới không-thực-mà-gần-như-là-thực.

N.N. Pháp không có tham vọng đặt những vấn đề hay tìm cách giải quyết những vấn đề lớn của con người như những vấn đề xã hội, triết lý hay siêu hình qua « Ngày Xưa » Nhà thơ chỉ có tham vọng kêu gọi lại những hình ảnh, những tình tự về người và vật của một giai đoạn, một không gian và thời gian không còn nữa. Vì thế, bắt đầu bài thơ tác giả luôn cố gắng xây dựng những

từ ngữ có khả năng gọi lại một thời gian, một không gian hay một nhân vật không còn thuộc về hiện tại, không còn liên hệ đến con người thực tại của chúng ta.

« Ngày Xưa, khi rừng mây u ám »

(Sơn tinh, Thủy tinh)

« Hôm đó, buổi chiều xuân »

(Một buổi chiều xuân)

« Người xưa mơ, nhìn mây, »

Đen, đỏ, vàng đua bay.

Khi thấy nhiều ma quỷ,

Lời than trời lung lay... »

(Mây)

hoặc :

« Đêm khuya, gió lốc, mây đen vần,

Cỏ lướt gieo mình vực giếng thăm.

Trọng-thủy nằm trên làn nước sủi,

Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm »

(Giếng Trọng-thủy)

Không khí, cảnh vật, âm thanh và con người trong thế giới đó mang những đường nét, âm hưởng mơ hồ, xa vắng nhưng cũng rất quen thân, gần gũi như những câu truyện mà ông hay bà hoặc người u già thường kể cho chúng ta nghe trong những ngày tuổi nhỏ. Những câu truyện mà bao giờ cũng được bắt đầu bằng hai tiếng « Ngày xưa » hay « Thuở xưa » có khả năng đưa chúng ta phiêu lưu vào trong một thế giới của những thần tiên hay anh hùng hiệp sĩ, hội nhập vào một vũ trụ đầy hoa bướm và những thú vật biết nói và sinh hoạt như con người chúng ta. Đọc « Ngày xưa » của N.N. Pháp chúng ta bắt gặp lại một nỗi Hạnh phúc nay không còn nữa : Hạnh phúc được sống lại thời thơ ấu có những đêm bên bếp lửa hồng, trong khi cha đang làm việc và mẹ ngồi khâu áo chúng ta nằm bên gối ông, bà hay u già để nghe các người kể chuyện cổ tích. Đó là thứ Hạnh phúc êm ả và tuyệt

vời nhất như lời Franz Kafka đã nghĩ : « Le bonheur infini, profond, chaud, libérateur, d'être assis à côté du berceau de son enfant en face de la mère » (Journal) và là một khát vọng mà Phạm Duy thiết tha nhất trong bài hát « Kỳ-niệm » của ông :

« Cho tôi lại ngày nào,
Trăng lên bằng ngọn cau.

Mẹ tôi ngồi khâu áo,
Bên cây đèn dầu hao.

Cha tôi ngồi xem báo ».

Ở đây, N.N. Pháp cũng đi tìm những kỷ niệm đó, đã « đi tìm thời gian đã mất » đó — « A la recherche du temps perdu » nói theo tiêu ngữ của Marcel Proust dùng để đặt tên cho một roman fleuve của ông — không phải là để truyền lại cho người đọc cái nhìn đời, cái kinh nghiệm của « một ông già nhìn đàn trẻ con rất ngộ nghĩnh mà cũng rất dễ yêu, mặc dầu người còn trẻ lắm » nói như Hoài Thanh, Hoài Chân trong « Thi nhân V.N » mà chính là đưa cái nhìn của một người trẻ tuổi về một thế giới đẹp đẽ, trong sáng của tiền nhân. của « ngày xưa » nay không còn nữa vì chỉ muốn lưu giữ nó mãi mãi trong tâm hồn mình. Tâm hồn trong trắng của nhà thơ chỉ muốn chấp nhận, muốn lưu giữ những kỷ niệm đó, những hình ảnh đó và truyền lại cho độc giả chứ không chấp nhận cuộc đời hiện tại với những lỗ lãng, xấu xa đang diễn ra.

Thế nhưng, N.N. Pháp không phải là một người ngây thơ đến nỗi có thể tin rằng những hình ảnh đó có một khả hữu tính, rằng thế giới đó có thể bắt lại được. Không ai có thể có đủ ngây thơ để tin là khi sáng tạo nên những hình ảnh đó là sẽ « có » những hình ảnh đó, là bắt được thế giới đó. Trong ngày thơ con người chưa phải là một người với đầy đủ ý thức hiện sinh của nó, nói như Kierkegaard sau đây : « Dans l'innocence, l'homme n'était pas l'animal et n'était pas davantage l'homme ». Hơn ai hết, N.N. Pháp đã ý thức được điều đó vì thế tác giả luôn xác định rằng những hình ảnh, nhân vật, sự vật đó đã thuộc về một thời gian, một không gian không còn thuộc về chúng ta, không còn là hiện tại.

« Ngày xưa khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần »

(STTT)

« Người xưa mơ nhìn mây,
Đen, đỏ, vàng đua bay.
Khi thấy nhiều ma quỷ,
Lời than trời lung lay »...

(Mây)

Cái thái độ «đi tìm thời gian đã mất» đó của NN Pháp trong «Ngày xưa» là một nỗi u hoài quá khứ, mơ về những nét đẹp của vàng son của lịch sử, của di vãng dân tộc. Thế nhưng, thái độ của chàng không phải là thái độ ngoái nhìn lại di vãng, hoài niệm quá khứ của những thi nhân cổ điển VN chúng ta như thái độ của một Nguyễn huy Hồ trong «Mai đình mộng ký» của một Lê thị Ngọc Hân trong «Ai tư vãn» hay của một bà huyện Thanh Quan chẳng hạn :

« Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Hồn cũ lâu đài bóng tịch dương »...

(Thăng Long Thành hoài cổ)

Đồng lúa thái độ «đi tìm thời gian đã mất» của N.N Pháp trong «Ngày xưa» với thái độ của những thi nhân kể trên là chúng ta đã vô tình hạ thấp nguồn thi hứng của tác giả. Ở đây N.N. Pháp tuy cũng u hoài di vãng nhưng không phải để chạy trốn thực tại bằng cách tạo nên một thế giới hay một giải pháp cá nhân như các thi nhân kể trên mà chỉ vì không muốn chấp nhận thực tại của cuộc đời xấu xa ông đang sống đề từ đó vươn đến một thế giới tốt đẹp, trong lành hơn : thế giới của «Ngày xưa» và của người xưa. Bởi lẽ những xấu xa, lố lỉnh của cuộc đời hiện tại mâu thuẫn với bản chất trong trắng và yêu mến sự thanh cao, đẹp đẽ của thi sĩ :

« Ngày nay ta nhìn mây,
Mây đen luồng gió lay.

Hồn xưa tìm chẳng thấy,
Tóc theo luồng gió bay ».

(Mây)

Do đó qua thái độ «đi tìm thời gian đã mất» của ông và ý thức trong sáng của ông khi sáng tạo «Ngày xưa», ta có thể gọi ông là một nhà nghệ sĩ chân chính nói như họa sĩ Caspas David Friedrich : «Toute oeuvre authentique est conçue dans une heure sacrée, enfantée dans un heure bénié; une impulsion du dedans la orée, souvent à l'insu de l'artiste » (Trích dẫn bởi Albert Béguin trong «L'âme romantique et le Rêve» trang 126).

N.N. Pháp đã lia đời năm 24 tuổi với tâm hồn trong trắng, thánh thiện như một trẻ thơ để lại bao nỗi luyến tiếc cho chúng ta nhưng biết đâu lại chẳng Hạnh phúc, may mắn cho chàng ! ?.

Dilinh, tháng 10-1970

NGUYỄN KIM CHƠNG

19 - 11 : ngày giỗ NGUYỄN NHƯỢC - PHÁP

● bài của THU-TRUNG

Hôm nay 19-11-1964, nhân ngày giỗ thứ 26 của Nguyễn Nhược-Pháp, thấp nén hương lòng, chúng tôi xin gộp nhặt một ít tài liệu rải rác đó đây, cùng là trích dẫn một số bài thơ của người đã khuất, gọi là gộp thêm một tiếng

khóc cho « một thiên bạc-mệnh ồng đời tài-hoa ». Ước mong rằng đầu đó trong cõi non Bồng nước Nhược, nhà thơ sẽ nghe thấy tiếng khóc của người-đời-sau này, để mỗi người, thêm một lần, lại rưng rở một nụ cười hiền hậu và trư ái.

sơ-lược thân-thế

Nguyễn Nhược-Pháp là con trai thứ của văn hào Nguyễn văn Vĩnh (1) và là em nhà thơ Nguyễn Giang (2). Nhược-Pháp sinh ngày thứ bảy 12 tháng 12 năm 1914 (nhằm ngày 25 tháng Mười năm Giáp Dần) tại Hà-nội.

(1) Nguyễn-văn-Vĩnh (1882-1936) là nhà văn có công đầu trong việc khước trước nghề làm báo nước ta. Ông cũng là một trong những người cổ vũ cho chữ Quốc-ngữ. Dịch thuật là sở trường của ông : ông dịch nhiều thứ tiếng và nhiều loại văn. Ông là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Annam nouveau*, ra đời năm 1931.

(2) Nguyễn Giang là chủ bút *Đông-dương tạp-chí* (lớp sau). Ông thông thạo Pháp-văn, vừa là họa-sĩ vừa kiêm thi-sĩ. Ông là tác giả tập thơ *Trời xanh thắm* (Nguyễn Dương, Hà-nội, 1935) và tập thơ dịch (*Danh văn Âu Mỹ* (Âu-Tây tư tưởng, Hà-nội, 1936).



Ông theo học trường trung học Albert Sarraut, sau khi đỗ bằng Tú-tài ông theo học Luật trong một thời gian ngắn, cùng khóa với Phạm Huy Thông.

Nhược-Pháp bắt đầu làm thơ năm 18 tuổi (1932). Ngoài thơ ra ông còn viết truyện ngắn, kịch, phê bình. Tác phẩm

Ngoài ra, trên bìa sau thi phẩm *Ngày xưa* ta thấy có rao sẽ xuất bản tập thơ *Ngày xanh* của cùng một tác giả, nhưng cho tới nay vẫn chưa thấy in và cũng không ai biết số phận bản thảo tác phẩm đó nay đã ra sao.

tài liệu để nghiên cứu

của ông đăng trên các báo *Annam nouveau*, *Tinh-hoa*, *Đông-dương tạp-chí*, *Nhật-tân*, *Hà-nội báo*.

Tác phẩm đã xuất-bản thành sách có tập thơ *Ngày xưa* và kịch bản *Người học vẽ*.

5 giờ sáng ngày 19-11-1938 (nhằm ngày 28 tháng 9 năm Nhâm Dần), Nhược-Pháp qua đời tại bệnh-viện Lanessan, Hà-nội, vì bệnh *lao hạch* hưởng thọ 24 tuổi — cái tuổi đang tha thiết yêu đời và tràn đầy tinh-lực sáng tạo.

tác phẩm

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Nhược Pháp là thi phẩm *Ngày xưa*. Sách do Nguyễn Dương xuất bản tại Hà-nội năm 1935. Sách dày 56 trang, khổ 19cm5x 13cm5, có một phụ bản của Nguyễn Giang (vẽ hình Sơn-tinh có một mắt ở trán, tay cầm quyền Thợ.) Trang đầu có ghi : Librairie Nouvelle, Place Négrier Hanoi. Trang sau : Tặng anh Giang. N.N.P.

Ngày xưa gồm 10 bài thơ, viết theo nhiều thể : ngũ ngôn, thất ngôn, thất ngôn bát cú. Cuối mỗi bài có ghi ngày tháng. Trong sách, các bài thơ được sắp xếp như sau.

1. Sơn tinh Thủy-tinh (Avril 1933) thất ngôn
2. Mị-châu (Janvier 1933) thất-ngôn
3. Giếng Tụng-thủy (Janvier 1933) thất-ngôn
4. Tay ngà (2 Mai 1934) ngũ-ngôn
5. Mị-Ê (Mai 1933) thất-ngôn bát-cú

6. Một buổi chiều xuân (6 Mai 1933) ngũ-ngôn

7. Nguyễn-Thị-Kim khóc Lê-Chiều-Thống
(30 Décembre 1932) thất-ngôn bát-cú

8. Đi Cống (10 Mai 1933) thất-ngôn

9. Mây (25 Janvier 1934) ngũ-ngôn

10. Chùa Hương (Aout 1934) ngũ-ngôn

Đề giúp những nhà nghiên cứu văn học tìm tài liệu nghiên cứu về Nguyễn Nhược-Pháp, chúng tôi xin dẫn dưới đây một vài nguồn tài liệu :

1) bài phê bình tập *Ngày xưa* của Tự-Trị đăng trên *Văn học tạp-chí* bộ mới, khổ lớn, số 5, ra vào khoảng Juin 1935. Ở Sài-gòn nay dường như có ký giả Lê Trùng Kiêu còn giữ được tập chí này.

2) Hoài-Thanh và Hoài-Chân, *Thi nhân Việt-Nam*, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Huế, 1942. Bản in của nhà in Thụy-Ký Hà-nội (xong ngày 18 Janvier 1942) trang 316-325.

3) Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện-dại*, Thăng-Long tái-bản, Sài-gòn, 1960, quyển 3, trang 701.

4) Tân Fong Hiệp, *Bách-Khoa* số 22 ngày 1-12-1957.

5) Nguyễn Vỹ, *Phổ-Thông*, bộ mới, số 9 ngày 15-4-1959 và số 20 ngày 1-10-1959.

6) Bằng Bá Lân, *Kỷ niệm văn thi-sĩ hiện-dại*, quyển 1, Xây Dựng xuất-bản, Sài-gòn 1962.

nhìn qua tác phẩm

Đọc *Ngày xưa* ông Tự-Trị viết : « Tôi chắc là Nguyễn Nhược-Pháp vừa viết thơ vừa tìm tìm cười. Tôi chắc ông Giang đọc thơ em cũng tìm tìm cười. Những bác thợ xếp chữ ở nhà in cũng đã cười, và ai đọc đến cũng sẽ cười... »

Điều đầu tiên mà người đọc gặp trong thơ Nhược-Pháp là những nụ cười nhẹ nhàng, tao nhã. Thơ ông vì thế mà dễ mến.

Những bài thơ hay trong tập này có thể kể : Sơn-tỉnh Thủy-tỉnh, Tay ngà, Một buổi chiều xuân, Đi cống, Chùa

Hương. Nhất là bài Chùa Hương sau này được nhạc sĩ Trần-văn Khê phổ nhạc, rất được phổ biến, nên ngày nay người ta nhắc nhớ đến Nhược-Pháp cũng là do bài này.

Tập *Ngày xưa* hiện nay có nhiều người ở Sài-gòn còn giữ được, đặc biệt nhất là một tập có bút tích và chữ ký đề tặng của tác giả gửi một bạn thơ cùng thời : thi sĩ Đông-Hồ.

Tác-phẩm thứ hai và cũng là tác phẩm chót của Nhược-Pháp là kịch-bản *Người học vẽ*. Kịch này được đăng tải trên *Hà-nội bác* (những số chót, trước khi đình bản). Căn cứ theo tài liệu thư tịch, chúng ta thấy *Người học vẽ* là một hài kịch ba hồi, xuất bản tại Hà-nội năm 1936, do nhà in Trung-bắc Tân-văn, Sách dày 60 trang, khổ 19x13cm. Sách mang số P.18010, số nạp-bồn D.L. 21915 A.

Vở kịch này hiện nay khó kiếm. Nhà nghiên cứu văn học có thể thương lượng nhờ sao hộ do :

Service photographique de la
Bibliothèque Nationale à Paris
No 58 rue de Richelieu
à PARIS (2è) (FRANCE)

Sở này sẽ cho chụp vào microfilm không tốn bao nhiêu thời giờ và phí tổn cả.

Bản về cái dễ-mến trong thơ Nhược-Pháp, Hoài-Thanh viết :
« Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược-Pháp.

Không mến sao được ? Với đời ba nết đơn-sơ Nguyễn Nhược-Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử-học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay mơ màng của Huy-Thông, mà là một thời xưa gồm những trần-sec tươi-vui, những hinh dáng ngộ-nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cô hữu và đã biết cười. cái cười của những « thất lương dài đờ hoe », những đời « đẹp công » nho nhỏ . . . »

Nét đặc biệt thứ hai trong thơ Nhược-Pháp là ông đã làm sống lại trong thơ cả một ngày xưa, cái ngày xưa rất thực mà cũng rất thơ. Được đọc bằng những tứ thơ thông minh, những vần đi u đi dôm, cái ngày xưa trong thơ ông chẳng

khác gì những bức tranh ngộ nghĩnh, vui vui và gợi cảm.

Trong những bài thơ đầu như « Nguyễn-Thị Kim khóc Lê-Chiêu-Thống » hay « Giếng Trọng-thủy » khai thác những đề tài lịch sử buồn thảm, ta thấy cái điệu buồn của ông có vẻ gượng ép và hơi hẹp. (Ngay cả kỹ thuật làm thơ cũng còn chưa vững). Qua những cảnh buồn (như « Đi công », « Mây »...) ta thấy lòng ông cũng gợn lên nỗi u hoài, nhưng nỗi sầu của ông không chân thành, không sâu đậm, không da diết, mà chỉ thoáng qua như một thoáng chau mày hay một tiếng thở dài nhẹ, khiến cho những bài thơ đó chỉ là những nét phác họa sơ sài về những cảnh buồn đau thuở trước. Phải đến những bài thơ vui vui ta mới thấy tất cả cái linh hoạt của tài năng ông, cái bản chất chân thực của tâm hồn ông. Tài năng ấy, bản chất ấy được phản ánh tài tình qua những nụ cười thông minh, hóm hỉnh nhưng rất thanh nhã, hiền lành và tràn đầy tình thương mến (« Sơn-tĩnh Thủy-tĩnh », « Chùa Hương »...)

Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy Nhược-Pháp làm thơ vào giữa lúc những bạn đồng hội đồng thuyền với ông đang hăng say du nhập những thể cách xa lạ, khai thác những tâm hồn trẻ nao nức giữa cao trào của văn chương trữ tình lãng mạn. Giữa bầu không khí ồn ào sôi động ấy, Nhược-Pháp đã tìm trở về quá-khứ, hiền lành khai thác những đề tài của lịch sử dân tộc, nhỏ nhẹ nói lên một tiếng thơ chân phác. Chính cái ý hướng về-nguồn ấy, và mặc dù sự nghiệp thi ca không được lớn lao, Nguyễn Nhược-Pháp vẫn có một chỗ ngồi xứng đáng trong lịch sử văn học vậy.

Những bạn trẻ ở Sài-gòn hôm nay nghe, nói đến Chùa Hương thật lấy làm xa lạ. Nhưng nghe nhạc Trần-văn Khê qua lời thơ Nhược-Pháp, hẳn không mấy bạn lại không thấy trong lòng vương vấn môi tình yêu quê hương, yêu đất nước, yêu cái ngày xưa của dân tộc Việt.

Thiết tưởng đó cũng là phần thưởng tinh thần xứng đáng nhất dành cho nhà thơ « tài hoa mệnh yếu », cách đây hai mươi sáu năm đã nhắm mắt lia đời, để lại bao nhiêu là thương, là nhớ, là lưu luyến.

THU-TRUNG

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP VÀ TÁC PHẨM

HOÀNG
TIẾN

Nhiều người chỉ biết Nguyễn Nhược Pháp làm thơ. Có độ chục bài thơ in thành tập, mang tiêu đề « Ngày xưa ». Trong đó có bài « Chùa hương » nổi tiếng:

Hôm nay đi chùa Hương

Hoa cỏ mờ hơi sương,

Cùng thấy mẹ em đây,

Em vấn đầu soi gương...

Bài thơ được phổ thành nhạc, nên sức lưu truyền càng rộng, càng xa. Trong lời hát có một chỗ cần đính chính:

... Quần lĩnh, áo the mới

Tay em cầm chiếc nón quai thao

Chân em đi đôi guốc cao cao...

Leo các bậc đá trẩy hội chùa Hương vào những tháng xuân, trời nhiều sương mù và mưa bụi, mà chân đi « đôi guốc cao cao », có mà ngã trọc xương. Nguyễn vẫn lời thơ làm năm 1934 là:

Mẹ cười : "Thầy nó trông!

Chạy đi đôi dép cong,

Con tôi xinh xinh quá!

Bao giờ cô lấy chồng?"

Ngày ấy không đi guốc cao gót như bây giờ. Các bà các cô đi guốc sơn hoặc guốc mộc, sang thì dùng hài cườm hài phượng, còn bình dân và đi xa nay, dùng dép. Dép thường là một miếng da trâu da bò thuộc khô, sơn bóng, quai dọc bằng mây hoặc có một vòng khuyết để dút ngón chân trở vào mà đi. Da đầu dép cong lên vừa bảo vệ các ngón chân, vừa có dáng mỹ thuật.

Ngoài tập thơ *"Ngày xưa"* Nguyễn Nhược Pháp đã soạn xong tập thơ *"Ngày xanh"*, và đã giao cho Nguyễn Dương để xuất bản. Rất tiếc, Nguyễn Dương đã để thất lạc mất bản thảo tập thơ *"Ngày xanh"*.

Ngoài thơ, văn nghiệp của Nguyễn Nhược Pháp còn động chạm đến các thể loại sau:

Nguyễn Nhược Pháp đã viết được trên 10 vở kịch *"Người học vẽ"* (Kịch 3 hồi, Nguyễn Dương xuất bản năm 1936). Hai kịch ngắn *"Một chiều chủ nhật"* và *"Khôi nức"* (Nguyễn Giang xuất bản năm 1950). Còn các vở *"Sấm Sơn"* (Kịch vui 3 hồi) *"Người lạc"* (Kịch 1 hồi) *"Bữa cơm"* (Kịch 1 hồi) *"Duyên em"* (kịch 1 hồi)... vv... đăng rải rác trên các báo.

Nguyễn Nhược Pháp đã viết được trên 10 truyện ngắn: *Tình trẻ thơ*, *Mẹ và con*, *Bức thư* (Nguyễn Giang xuất bản năm 1950) vv...

Về phê bình văn học, Nguyễn Nhược Pháp cũng viết được trên 10 bài, bằng tiếng Pháp, đăng trên báo L'Annam Nouveau của ông Nguyễn Văn Vĩnh. Đó là những bài: *"Mấy vấn thơ"* của Thế Lữ, *"Thế Lữ và con hổ vườn bách thú"* "Đôi mưa gió" của Khải Hưng và Nhất Linh, *"Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan"* *"Trước cảnh hoang tàn Đế Thiên, Đế Thích"* của Lê Văn Trương, *"Vua Hàm Nghi"* của Phan Trần Chúc, cùng những bài luận về kịch thơ, về sân khấu, về chiếu bóng vv...

Nguyễn Nhược Pháp mất đi rất sớm. Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1914 ở Hà Nội. Mất ngày 19 tháng 11 năm 1938 tại bệnh viện Đồn Thủy (nay là bệnh viện 108 quân đội). Mới gần tròn 24 tuổi, đang là sinh viên đại học luật Hà Nội.

Nguyễn Nhược Pháp là con thứ bảy của ông Nguyễn Văn Vĩnh, người làm cuộc cách mạng chữ quốc ngữ đầu thế kỷ và bà Phan Thị Lựu, người Thổ ở Lang Sơn, con di con gái với tuần phủ Vi Văn Định.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh lấy bà Phan Thị Lựu làm vợ hai vào năm 1913 ở 50 phố Hàng Trống. Năm 1914 sinh Nguyễn Nhược Pháp ở đây.

Lúc Nguyễn Nhược Pháp lên 2 tuổi, bà Lựu vì ghen tuông ông Vĩnh với cô đầm lai trẻ tuổi quốc tịch Pháp Suzanne (sau này thành bà vợ ba ông Vĩnh), đã cấm sủng lục đi tìm để bán hai người. Không thực hiện được ý định, và về nhà đi sủng vào thái dương tự sát.

Ông Vĩnh đem Nguyễn Nhược Pháp về 34 Mã Mây cho bà cả nuôi. Lúc ấy ông bà đã có 6 người con là: Nguyễn Hải sinh năm 1901, Nguyễn Giang sinh 1904, Nguyễn Thị Loan sinh 1907, Nguyễn Thị Nội sinh 1910, Nguyễn Thị Vân sinh 1913 và Nguyễn Dương sinh giữa năm 1914. Nguyễn Nhược Pháp sinh cuối năm 1914, vì vậy bà Vĩnh nhận Nguyễn Nhược Pháp là người con thứ 7. Sau đó bà cả Vĩnh còn sinh cho ông Vĩnh 5 người con nữa là: Nguyễn Phổ sinh 1917, Nguyễn Kỳ sinh 1918, Nguyễn Thị Mười sinh 1919, Nguyễn Dục sinh 1921 và Nguyễn Hồ sinh 1923.

Ngoài ra bà Suzanne cũng sinh cho ông hai người con là Nguyễn Hiền và Nguyễn Phùng.

Nguyễn Nhược Pháp được gia đình coi như anh em ruột thịt, và được ông Vĩnh rất mực thương yêu. Hồi ký gia đình anh em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Nhược Pháp ghi lại như sau:

" Nguyễn Nhược Pháp về chung sống với chúng tôi như anh em ruột cùng một mẹ, tôi chỉ nhớ được từ năm 1923, sau khi gia đình chúng tôi đã dọn nhà lên ở cạnh Hồ Tây, trước cửa trường Bưởi (trường Chu Văn An bây giờ).

[...] Bảy anh chị em còn nhỏ chúng tôi ở bên nhà thờ và một buồng nhà ngang. Ba đứa bé nhất là Mười, Dục, Hồ chưa tự lực được, ở dưới nhà ngang, có một u già là u Hiếu trông nom.

... Cùng ở bên nhà thờ với chúng tôi còn có ông nội đã lớn và hai mắt đã loà, một ông đồ là cụ tú Phùng Năng Tĩnh quê ở Bát Tràng [...].

Chúng tôi được sống rất đầy đủ và rất tự do, khép kín trong một nhà rộng, có sân có vườn rộng, người lớn gần như không ai để ý đến, chúng tôi sống hoàn toàn tự quản. [...]

May mắn cho chúng tôi có Nguyễn Nhược Pháp là anh lớn, vừa rất thông minh, học giỏi, có đầu óc tổ chức, lại có rất nhiều sáng kiến đúng ra làm đầu đàn diu dắt cả 7 đứa chúng tôi học tập, rèn luyện và vui chơi, sống tự lập tự quản một cách có văn hoá, trong suốt hơn 10 năm thừa nhỏ.

Lập hội cấm nói nhảm, nói tục - Pháp viết một tờ hợp đồng cho 7 anh em chúng tôi cùng ký kết lập hội cấm nói nhảm, trong đó có một danh mục những câu nói nhảm, nói tục, ví dụ như đếch, *bỏ mẹ, bỏ xừ, bỏ bầm*, những câu chửi đổng v.v..., trên 50 câu cấm khác nhau. Đứa nào nói những câu ấy đều bị phạt một cái cốc vào đầu. Ai nghe thấy thì người ấy được cốc. Người nào nói tục nói nhảm phải tự nguyện chịu hình phạt và phải sửa chữa.

Nhờ vậy mà chúng tôi không đứa nào biết chửi và biết nói nhảm.

Lập hội đi bơi - Mùa hè vào sáng sớm, mùa thu vào buổi chiều, anh em rủ nhau từng nhóm đi bơi Hồ Tây. Có ba bốn nơi: đình làng Thụy Khuê và Hồ Trúc Bạch ở ngay gần nhà; Quảng Bá và Nghi Tàm xa một chút. Chúng tôi tập cả 7 anh em đều biết bơi lội giỏi, có hôm hai ba anh em rủ nhau bơi qua được Hồ Tây. Pháp rất thích bơi và nhảy cầu, ngay cả những ngày bắt đầu ốm đau cuối cùng cũng không bỏ đi bơi.

Hội đua xe đạp: - Bốn anh em có 4 xe đạp, về sau cả 7 anh em đều có xe đạp. Chủ nhật Pháp tổ chức

đua xe đạp quanh Hồ Tây 13 km, có treo giải hân hoi. Môn này được nhiều người ưa thích. Các bạn cùng học có xe đạp cũng xin nhập hội.

Tác đua xe đạp trong sân đua xe đạp Hà Nội (Khu đất trước cửa Bộ Ngoại giao hiện nay); và tập làm xiếc trên xe đạp. Phổ và Kỳ giỏi nhất trong môn này. Về sau Phổ mua hẳn một xe đạp đua để tham dự đua xe đạp trong những ngày hội.

Hội trượt pa-tanh: - Bảy anh em đều tập trượt pa-tanh và trượt rất thành thạo, tiao diên được đủ các kiểu. Đầu tiên tổ chức các cuộc đua cự ly một vài cây số trên đường Quán Ngựa (nay là đường Hoàng Hoa Thám) sau tổ chức các cuộc đua dài, dĩ một vòng hết đường Quán Ngựa, xuống dốc Quán Ngựa, trở về bằng đường Thụy Khuê.

Hội tham quan du lịch và vào đoàn Hướng đạo: - Chủ nhật và những ngày lễ Pháp tổ chức các cuộc đi tham

quan du lịch bằng xe đạp. Đầu tiên tham quan các làng xung quanh Hồ Tây rồi đến tham quan vùng quanh Hà Nội, rồi đi xa hơn nữa. Năm 1930 Nguyễn Dương vào đoàn Hướng đạo Hùng Vương, sau giới thiệu cả mấy anh em vào đoàn Hùng Vương và đoàn sói con Trung rông. Ngày nghỉ, ngày lễ và kỳ nghỉ hè chúng tôi theo đoàn đi cắm trại khắp các nơi cảnh lam thẳm cảnh tham gia các trại học ban rừng Sặt, Thái Bình, Gia Lê, Huế, Sài Gòn v.v..., và đi học các lớp đào tạo các huynh trưởng hướng đạo và sói con ở Bạch Mã.

Làm báo Tuổi Cười: Pháp rủ cả 4 anh em lớn không đi xem chiếu bóng (hàng tuần vào trưa thứ năm ông Văn cnc + đứa con 2 đồng đi xem chiếu bóng ở rạp để dành tiền làm vốn in báo "Tuổi Cười". Pháp làm chủ nhiệm, Phổ làm chủ bút và Kỳ làm quản lý nhà in. Báo in bằng thạch, hai màu đỏ và tím, mỗi tháng xuất bản

1 số 16 trang, bằng giấy trắng không kẻ, gấp khổ 20cmx15cm, trên đầu có tên báo "Tuổi cười" viết chữ đỏ và một tranh vui do Pháp vẽ. Nội dung của báo là thông báo tất cả các tin tức ở trong nhà, nêu gương những người học giỏi và làm việc tốt, phê phán những việc xấu. Trang thể thao rất hấp dẫn, nêu những người đạt được kỷ lục mới. Có cả quảng cáo cho các buổi diễn kịch và biểu diễn xiếc. Trang cuối cùng là một bài thơ của Pháp. Báo in mỗi số 10 tờ và bán 5 xu một tờ cho các anh chị lớn và người lớn trong nhà. "Tuổi cười" xuất bản như vậy trong mấy năm liền.

Sau này Pháp đã tuyên và sửa lại những bài thơ hay đã in trong báo "Tuổi cười" thành tập thơ "Ngày xanh".

Lập đoàn kịch tí hon:

- Pháp viết những kịch ngắn về những chuyện xảy ra ở trong nhà như "Kỳ gân", "Phân Tử", "Khởi nác" v.v...) để ca ngợi và khuyến khích

những cách sống lành mạnh, có văn hóa, và phê phán những cách sống lạc hậu, xa hoa và loè bịp. Pháp làm đạo diễn hướng dẫn 7 anh em tập đóng kịch. Bên trong nhà thờ là xương máy cũ nên rất rộng. Chúng tôi đã kê 4 bộ ghế ngựa ghép lại với nhau thành sân khấu, căng màn và lấy các câu đối treo ở trong nhà thờ làm phông, có màn kéo lên, hạ xuống, tự động hẳn hoi. Đèn điện được kéo thành hai hàng bên trên và dưới màn, có loa phản chiếu ánh sáng như sân khấu thật. Kê ghế và bán vé 5 xu một chỗ ngồi xem. Những người lớn trong nhà đều khuyến khích và mua vé đi xem. Có buổi ông Vinh ở nhà cũng đi xem kịch tí hon.

Lập đội xiếc trẻ con:

- Pháp hướng dẫn chúng tôi lập đội xiếc trẻ con, phân công cho từng người tập các môn xiếc. Phổ và Kỳ làm xiếc xe đạp. Dương làm các trò ảo thuật. Mười làm xiếc uốn dẻo và các môn thể dục. Dục thời

kèn ha-mô-ni-ca. Hồ dạy thủ luyện cho chó Á Rập làm xiếc. Còn tất cả cùng tham gia môn chống người. Có hôm chị Vân thấy vui của cùng cùng các em tham gia chống người.

Tổ chức chiếu bóng

Ba-by: - Năm 1922 ông Vinh đi sang Pháp và sang Đức về mua cho 7 đứa nhỏ rất nhiều đồ chơi: khoa học, trong đó có mấy chiếc phim "Pathé baby" và nhiều bộ phim hài Séc-lô và Ma-lách. Chúng tôi đã tổ chức thành tổ chiếu bóng Ba-by, thu hút được cả nhà đến xem, và các bạn cùng học cũng đến xem rất đông.

Suốt hơn 10 năm thủa nhỏ 7 anh em chúng tôi sống gần bộ với nhau như vậy không rời nhau bao giờ và rất tương yêu nhau [...]

Pháp viết văn, làm thơ, nhưng vẫn chỉ là một sinh viên đang đi học, và vẫn gắn bó với gia đình chưa lúc nào tách rời khỏi 7 anh chị em chúng tôi.

Pháp có lúc buồn u

uất, là những lúc sau khi gặp người anh nuôi Nguyễn Văn Thiện được nghe kể chuyện về người mẹ đẻ của mình.

Thú vui của Pháp rất đơn giản, chỉ là viết xong một bài thơ, một truyện ngắn, một vở kịch hay một bài báo, được các báo chấp nhận, và khi nhận được tiền nhuận bút thì rủ một hai em hay một vài bạn cùng đi ăn phở sách "Nghỉ Xuân bang thất" phố Hàng Đàn, 5 xu một bát.

Ước mơ của Pháp là cùng Phạm Huy Thông tổ chức một đoàn kịch không chuyên để đưa lên sân khấu vở kịch "Người học vẽ" của mình và vở kịch thơ "Anh Nga" của Huy Thông.

Pháp cũng đã bắt đầu yêu. Pháp yêu "cô áo đen" ở phố Hàng Đầy (nay là phố Nguyễn Thái Học) nhưng chỉ mới ở mức hàng ngày đạp xe qua nhà cô, để đứng ở bên này đường trông thấy bóng cô ở trong vườn. Hai người

chưa quen biết nhau và cũng chưa hề nói chuyện với nhau bao giờ. Pháp yêu như làm thơ vậy. Không rõ "cô áo đen" có biết là được Pháp yêu không? Chỉ biết là sau khi Pháp qua đời, được mấy năm thì cô lấy chồng, gia đình rất hạnh phúc. Cô có 4 con và sống thọ gần 80 tuổi, mới qua đời mấy năm gần đây.

Những ngày cuối cùng của Pháp nằm ở bệnh viện Đồn Thủy, được các bác sĩ và gia đình chăm sóc chu đáo và chăm sóc rất chu đáo, nhưng căn bệnh hiểm nghèo làm cho Pháp rất đau đớn (ông bị lao hạch cổ họng - người viết ghi chú), không nói được và không ăn uống được. Suốt qua cổ họng thì đau xót không thể chịu nổi. Nhưng khi có người đến thăm thì Pháp rất bình tĩnh và vẫn mỉm cười như không có chuyện gì xảy ra.

Pháp thở hơi thở cuối cùng vào lúc tăng sáng một cách thanh thản, tuy cả đêm không

ngủ được, nhưng vẫn nằm đắp chăn như đang ngủ say, miệng vẫn mỉm cười và có để lại ở dưới gối 3 bức thư.

Một bức thư viết bằng tiếng Pháp cho các bác sĩ và hộ lý của bệnh viện để cảm ơn sự tận tình cứu chữa cho mình.

Một bức viết để vĩnh biệt gia đình mẹ già và các anh chị lớn và ôm hôn các em nhỏ. Trong thư Pháp tả sự đau đớn mà bệnh tật đã hành hạ mình, không còn một tội tình gì ở trên đời này

đau khổ hơn, và an ủi gia đình là xuống suối vàng nhất định Pháp sẽ sung sướng hơn.

Một bức thư viết cho anh Nguyễn Giang để góp ý là cần phải chăm sóc mẹ già và các em nhỏ nhiều hơn.

Ban đầu Pháp được mai táng tại nghĩa trang Hợp Thiện ở Quỳnh Lôi, Mai Động, Hà Nội, sau được gia đình bốc mộ đưa về làng Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (Hà Tây

ngày nay). Mộ của Pháp được xây chung trong phần mộ của gia đình cùng với mộ của ông Nguyễn Văn Vĩnh và anh Nguyễn Giang.

(Trích tài liệu lưu trữ gia đình ông Nguyễn Văn Vĩnh)

Nguyễn Nhược Pháp sống ngắn ngủi. Sự nghiệp văn chương không nhiều. Nhưng lại ghi được vết trong lịch sử văn học Việt Nam. Thế mới biết ở lãnh địa này, số lượng là cái không đáng kể. Có người viết hàng nghìn bài thơ, in hàng chục cuốn sách, mà chẳng để lại một cái gì.

Người đầu tiên phát hiện ra tài năng Nguyễn Nhược Pháp là ai?

Theo hồi ức của nhà văn Vũ Bằng, là cụ Mai Đăng Đệ trong ban biên tập báo *"Trung Bắc tân văn"*. Xin trích một đoạn:

"Thế rồi bằng đi vài tháng... Một hôm Pháp lại đến báo *"Trung Bắc tân văn"* nhưng lần này

anh đến vì công việc. Công việc đó làm cho anh bên lên và đỏ cả mặt lên: anh biểu tất cả toà soạn mỗi người một tập thơ "Ngày xưa", biểu mà không nói thêm một câu gì cả, ngoài ra lại có vẻ như muốn làm "phiêm phiêm" công việc đó để về cho lạ. Vì hình như anh sợ nếu đứng lại lâu, mà các cụ chất vấn thì "nguy" quá.

Nguyễn Nhược Pháp nghĩ như thế, thế ra cũng đúng một phần nào. Là vì lúc đó viết văn viết báo in sách in vở đâu phải là chuyện chơi. Dưới 30 tuổi, người ta dễ bị coi là "lau nhau", theo các cụ thì phải già mới viết được văn mới in được sách, mà Nguyễn Nhược Pháp thì lúc ấy mới chỉ có 20 tuổi. Cố nhiên một anh bạch diện thư sinh "chưa sạch máu đầu" mà dám chòn vồn làm tác giả, mà lại viết thơ in thành sách, trong khi các cụ đã đầu râu tóc bạc cả rồi mà chưa được cuốn sách nào.

Mặc dầu các cụ trịnh

trọng cầm cuốn sách vái một vái ngắn để cảm ơn tác giả, tôi như cảm thấy các cụ đang đánh một cái dấu hỏi lớn trong đầu - "Cậu Pháp mà làm thơ in sách?" - "Ờ mà thật cậu Pháp làm thơ?" - "Thơ gì? Thơ ngày xưa! Để đọc thử xem ra thế nào?"

Nói thế mà thôi, chớ nói xong các cụ xếp cuốn "Ngày xưa" lại cho vào ngăn kéo.

Cụ Mai Đăng Đệ, bút hiệu Trúc Sơn, Tam Hữu, một tay cử nhân đã từng tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thực chống Pháp không biết có nghĩ như thế hay không? Nhưng bởi vì công việc làm ăn bắt buộc cụ không thể im luôn như các cụ khác trong toà soạn. Lúc ấy cụ phụ trách viết xã thuyết và thường xuyên viết một bài trào phúng theo kiểu "phim" ký tên là Lân Thần tiên sinh, ngoài ra có thì giờ thì đọc các sách người ta gửi biếu và viết dăm ba câu giới thiệu.

Cụ cử Mai ít nói,

trưa thì giờ thì ngồi vuốt râu nói chuyện một mình, thỉnh thoảng lại cười lên khanh khách. Biết rằng Nguyễn Nhược Pháp là con trai cụ Nguyễn Văn Vĩnh, cụ cử lưu ý cuốn "Ngày xưa" hơn các cuốn văn thơ khác, thỉnh thoảng lại giờ ra đọc một bài, để hỏi ý viết bài giới thiệu. Đọc nhón nha như thế chúng hơn một tuần, một hôm cụ đập tay đánh đét một cái xuống bàn, vén ống quần lên, đội lại cái mũ nổi rồi bảo tôi (vì lúc ấy toà soạn ngồi chung một bàn dài mà tôi ngồi ngay sát cụ):

- Gớm chết! Thơ hay quá, ông thiên tượng ơi! Phải đọc đi. đọc ngay đi mới được.

Thơ gì hay quá? Thơ ai hay quá? Tôi phải thú thực một điều: chính tôi cũng quên chưa giờ đến cuốn "Ngày xưa" của Pháp ra đọc lấy một bài. Bởi thế nghe thấy cụ cử Mai khen thơ hay quá, tôi sững sốt không hiểu là thơ ai, thơ gì. Đến tận khi cụ cầm cuốn "Ngày xưa" giờ lên trời như múa, tôi mới biết là cụ

khen Nguyễn Nhược Pháp, và cùng lúc đó cả toà soạn quay cả lại nhìn cụ Cử không nói gì, nhưng lắng tai nghe. Cụ Cử Mai nói:

- Thơ hay thật. Ra cái cậu Pháp này gớm thật, tưởng là viết đùa một vài câu, nào ai có biết đâu bài thơ nào cũng khá, nếu không toàn bích thì bài nào cũng được vài ba câu.. gia dựng!

Sau này, bàn về thơ Nguyễn Nhược Pháp, nhiều người ca tụng hết lời không mấy ai chê. nhưng tôi biết chắc người "đưa" Nguyễn Nhược Pháp từ chỗ tối ra chỗ sáng, từ một cậu học trò nhút nhát lên văn đàn rực rỡ hào quang người đã "tìm" ra Nguyễn Nhược Pháp, người ấy chính là cụ cử Mai Đăng Đệ. Cụ cử giới thiệu "Ngày xưa" trong một bài đăng hay nhất báo "Trung Bắc tân văn"...

Thế mới biết trí âm trong văn chương là vô luận tuổi.

Nhà thơ Bàng Bá Lân cùng thời với Nguyễn Nhược Pháp, khen ngợi hết lời truyện thơ "Sơn Tinh, Thủy Tinh" trong tập "Ngày xưa", còn có những nhận xét như sau:

"Còn một điều đáng nói nữa về Nguyễn Nhược Pháp là thái độ thẳng thắn và cứng cỏi của anh. Hồi ấy thơ mới đang được đẩy nẩy nở. Ngôi sao Thế Lữ đang sáng chói. Trên thi đàn, nhà thơ này mặc sức giương đống kích tây. Dưới bút hiệu Lê Ta, ông phê bình thơ người này người khác. Phán nhiều - bị ông diều cọt chê bai. Thắng hoặc có tập thơ được ông khen, nhưng lại khen bằng giọng trịch thượng. Được vậy là nhóm Tự Lực Văn Đoàn đang có ưu thế và tác Phong Hoá đang được nhiều người ủng hộ. Giữa lúc ấy Nhược Pháp đứng ra chống với Thế Lữ. Luôn mấy kỳ trên báo L'Annam Nouveau anh phân tích và vạch rõ những cái dở, cái sai

tấm trong thơ Thế Lữ. Thế Lữ hung hăng đã kích trên báo Phong Hoá. Nhưng trước những lý lẽ chắc chắn vững vàng trình bày bằng một giọng điềm đạm của Nhược Pháp, Thế Lữ nhụt dần...

Trong một bức thư viết cho tôi, Nhược Pháp có nói về Thế Lữ như sau: "Thế Lữ không phải là người biết yêu giản dị. Thế Lữ ưa những sự hoang đường vô nghĩa lý, để loè mắt trẻ con hay những người không có học." Lời phê bình tuy hơi khe khắt, nhưng không phải không có phần đúng.

Ít lâu sau trên báo *Phong Hoá*, bỗng có một bài phê bình tập thơ "*Ngày xưa*" với những lời khen ngợi nồng nàn ít có, dưới ký tên Lê Ta. Thái độ của Thế Lữ thật đáng khen và càng chứng tỏ cái chân tài của Nhược Pháp vậy".

Nhà phê bình Hoài Thanh và Hoài Chân trong cuốn "*Thi nhân Việt Nam*" nhận xét:

"Thơ in ra rất ít mà được người ta mến mộ rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không "mến" sao được? Với đôi ba nét đơn sơ Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay huy hoàng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những màu sắc tươi vui, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cố hữu và đã biết cười, cái cười của những "thắt lưng dài đỏ hoe" những đôi "dép cong" nhỏ nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng dấu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì."

Nhân ngày giỗ lần thứ 26 của Nguyễn Nhược Pháp (19-11-1964) Thư Trung có một bài khảo luận về Nguyễn Nhược Pháp, trong đó có đoạn: "Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy Nhược

Pháp làm thơ vào giữa lúc những bạn đồng hội đồng thuyền với ông đang hăng say du nhập những thể cách xa lạ, khai thác những tâm hồn trẻ nao nức giữa cao trào của văn chương trữ tình lãng mạn. Giữa bầu không khí ồn ào sôi động ấy, Nhược Pháp đã tìm trở về quá khứ, hiển lảnh khai thác những đề tài của lịch sử dân tộc, nhỏ nhẹ nói lên một tiếng thơ chân phác. Chính cái ý hướng về cội nguồn ấy, và mặc dù sự nghiệp thi ca không được lớn lao, Nguyễn Nhược Pháp vẫn có một chỗ ngồi xứng đáng trong lịch sử văn học vậy."

Nguyễn Kim Chương năm 1970 trong bài "Đọc lại tập thơ "*Ngày xưa*", có nhận xét: "Nói tóm lại, thế giới thơ của Nguyễn Nhược Pháp trong "*Ngày xưa*" tuy không phải là thực tại, nhưng nó là thực tại trong trí tưởng của người đọc. Thế giới của "*Ngày xưa*" tuy là một

hư cấu nhưng nó vẫn cho người đọc một cảm thức rằng đó là một thế giới không - thực - mà - gần - như - là - thực"

Nguyễn Vỹ trong cuốn "*Văn thi sĩ tiền chiến*" có tiết lộ cho chúng ta biết gốc gác của bài "*Chùa Hương*": "Chuyến đi chùa Hương ấy, Nhược Pháp đi với tôi và hai cô gái nữa, đều là nữ sinh cả. Hai cô có mang theo hai máy chụp hình, còn Nhược Pháp và tôi đều đi tay không. Trèo lên đến Rừng Mơ bỗng chúng tôi gặp một bà cụ vừa bước lên đèo, đường đá gỗ ghề lồm chồm, vừa niệm: "Nam mô cứu khổ, cứu nạn Quan thế âm Bồ tát..." Cô gái quê có lẽ là con của cụ, cũng đang niệm câu ấy nhưng nửa chừng trông thấy chúng tôi là hai chàng trai nhìn cô trân trân, thì cô bên lên làm thinh không niệm Phật nữa. Cô đang đọc: "Nam mô cứu khổ cứu nạn..." rồi cô im. Đôi mà cô đỏ bừng, cô cúi mặt xuống. Hai đứa tôi

nổi cô: Tại sao cô trông thấy chúng tôi, cô không niệm Phật nữa? Cô gái quê có vẻ đẹp ngây thơ bỗng tỏ vẻ bối rối, muốn khóc.

--Không - ngờ - hai - cô bạn nữ sinh lên chụp được tấm hình hai đứa chúng tôi đang hỏi chuyện cô gái quê, rồi có lẽ không bằng lòng chúng tôi nên hai cô lên đi trước, và đi lúc này chúng tôi không hay biết, cũng chẳng nói năng gì với chúng tôi cả. bo chúng tôi ở lại với cô gái quê. Chúng tôi mê nói chuyện với cô này, một lúc sực nhớ lại hai cô bạn chúng tôi vội vàng đi theo, nhưng không kịp. Hai cô đã lên đến chùa Ngoài, rồi lên đến chùa Tiên Sơn, lần trong đám đông người, biến mất dạng. Đêm ấy ngủ trong chùa Hương, sáng hôm sau ra về, chúng tôi mới gặp lại hai cô bạn đồng hành. Tôi phải xin lỗi mãi, nhưng Nhược Pháp cứ tủm tỉm cười không nói. Về Hà Nội, mai hôm sau. Nhược Pháp đem đến cho tôi bài thơ "Chùa

Hương". mà trong bản chép ra đầu tiên Nhược Pháp đề là "Cô gái chùa Hương". Nhược Pháp lấy cuộc gặp gỡ lý thú của chúng tôi với cô gái quê để làm đề tài và tưởng tượng thêm ra, thành bài thơ đẹp, giọng ngây thơ, y như cô gái chùa Hương hôm ấy..."

Còn có thể trích dẫn được nhiều ý kiến về Nguyễn Nhược Pháp nữa. Nhưng xin tạm dừng nơi đây.

Tôi nhớ cái duyên quen biết gia đình các con cụ Nguyễn Văn Vĩnh mà viết được cuốn sách khảo cứu về "Chữ quốc ngữ", và do đó cũng biết được nhiều tư liệu về Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang. Những tài năng thực sự bao giờ cũng gây được những xúc cảm. Viết về họ chẳng bao giờ chán, chẳng bao giờ thừa, và chẳng bao giờ là đủ cả.

Hoàng Tiến

Tháng 6-1997

Trọng Hà - Đình Sửu



HÀ HẠ - BÀ S. - CÔ DẠO - NG. TIẾN
 HẠ HẠ - SUZANE VINH - NG. LỊCH
 NGUYỄN TIẾN ANH NƯỚC CHA NGUYỄN NHƯỢC PHÁP NĂM 1942
 TẠI SAIGON NHẬN DI P HẠM LUYỆN LON GAI CỬ NGUYỄN LỊCH TIẾN
 CHAO BÀ S. - NỮ Á BÀ NG. HÀ



TIẾT THANH MINH QUÂN MẬU DÂN - 1933 GIẢNG NIỆM TIỂU MẸ
 NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, NGÔI CÂY LONG AN ĐƯỜNG VŨ HUYỀN
 PHÚ NGUYỄN -- Á TÂY